

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7



358.230 959 7

ĐC

L 302 S

LỊCH SỬ LŨ ĐOÀN CÔNG BINH 25 QUÂN KHU 7 (1976-2016)



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

**NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH**

355(V)09 + 9(V)2 781 - 2016
QĐND - 2016

358.230959 7

L3025

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7

LỊCH SỬ
LỮ ĐOÀN CÔNG BINH 25
QUÂN KHU 7
(1976 - 2016)

Lưu hành nội bộ

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

2020/ĐC/VV 001660

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Hà Nội - 2016

Chỉ đạo nội dung:

ĐẢNG ỦY, BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7

Tổ chức thực hiện:

ĐẢNG ỦY, CHỈ HUY Lữ ĐOÀN CÔNG BINH 25

Chủ biên:

Đại tá, PGS, TS. HỒ SƠN ĐÀI

Biên soạn:

- Trung tá TS. **TRẦN THỊ NHUNG** (*Chương mở đầu*)
- Thượng tá TS. **ĐINH THU XUÂN** (*Chương một, chương bốn*)
- Đại tá **TRẦN PHẤN CHẤN** (*Chương hai*)
- Thượng tá **NGUYỄN TRUNG THÀNH** (*Chương ba*)
- Thượng tá **LÊ CHÍNH** (*Chương năm*)
- Đại tá, PGS, TS. **HỒ SƠN ĐÀI** (*Kết luận*)

Phụ lục:

- Trung tá **TÔN THẤT QUỲNH ÁI**
- Trung tá **NGUYỄN THÀNH NGHỊ**
- Trung tá **HOÀNG NGỌC SỸ**



Lữ đoàn Công binh 25 Quân khu 7 được Chủ tịch nước
Trần Đức Lương ký Quyết định số 1502/QĐCTN,
ngày 21-12-2005, tặng danh hiệu
“Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”

**VƯỢT MỌI KHÓ KHĂN
HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ**

LỜI NÓI ĐẦU

Tính từ ngày thành lập 6-4-1976, đến nay Lữ đoàn công binh 25 vừa đi hết một chặng đường tròn 40 năm!

Trên cơ sở kế thừa những đơn vị từng ra đời và lập nhiều thành tích xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngay từ ngày mới thành lập, Lữ đoàn (trước đây là Trung đoàn) đã có một bề dày truyền thống vẻ vang. Truyền thống ấy được nối tiếp và phát huy trong giai đoạn cách mạng mới: khắc phục hậu quả chiến tranh, chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, xây dựng hệ thống công trình phòng thủ, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, góp một phần nhỏ vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Việc ghi lại lịch sử của Lữ đoàn không chỉ có ý nghĩa kịp thời sưu tầm lưu giữ các nguồn tài liệu đặc

biệt là tư liệu trí nhớ, tôn vinh công lao của các thế hệ cán bộ chiến sĩ đã và đang công tác trong đội hình Lữ đoàn, làm đề tài giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, mà quan trọng hơn, để qua đó tìm rút những bài học kinh nghiệm phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Lữ đoàn trong giai đoạn mới.

Vì mục đích trên, năm 1996, nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Lữ đoàn, Đảng ủy, chỉ huy Lữ đoàn công binh 25 đã tổ chức biên soạn và ấn hành cuốn “Lịch sử Lữ đoàn công binh 25 Quân khu 7 (1976 - 1996)”. Tiếp đó, năm 2006, nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Lữ đoàn, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã cho tái bản có bổ sung cuốn “Lịch sử Lữ đoàn công binh 25 Quân khu 7 (1976- 2006)”. Sau khi phát hành, hai cuốn sách nói trên đã được các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy, các cán bộ, chiến sĩ của Lữ đoàn đón đọc và đóng góp nhiều ý kiến quý báu.

Nhân dịp kỷ niệm tròn 40 năm ngày thành lập, được sự chỉ đạo của Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Đảng ủy - Chỉ huy Lữ đoàn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung phần đã xuất bản năm 2006 và biên soạn bổ sung giai đoạn 2006 - 2016 để xuất bản cuốn “Lịch sử Lữ đoàn công binh 25 Quân khu 7 (1976- 2016)”.

Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng do những hạn chế về công tác lưu trữ và sưu tầm tư liệu, vì vậy, cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót

nhất định. Kính mong quý bạn đọc đóng góp ý kiến để lần tái bản sau được đầy đủ, hoàn chỉnh hơn. Cuối cùng, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo chỉ huy Lữ đoàn Công binh 25 qua các thời kỳ, Phòng Khoa học quân sự, Phòng Công binh Quân khu 7 và Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành cuốn sách này. Trân trọng!

**ĐẢNG ỦY - CHỈ HUY
LỮ ĐOÀN CÔNG BINH 25**

Chương mở đầu

ĐỊA BÀN MIỀN ĐÔNG NAM BỘ VÀ NHỮNG ĐƠN VỊ TIỀN THÂN CỦA LỮ ĐOÀN CÔNG BINH 25

I. VÀI NÉT VỀ ĐỊA BÀN MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

Miền Đông Nam Bộ tương ứng với địa bàn Quân khu 7 - tổ chức quân sự theo lãnh thổ, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Bình Thuận và Lâm Đồng. Toàn bộ tỉnh, thành phố kể trên nằm trên nửa phần đất của Nam Bộ, về phía Đông, còn gọi là miền Đông Nam Bộ, trong tọa độ từ $8^{\circ}38'$ đến $12^{\circ}18'$ vĩ độ Bắc và từ $105^{\circ}30'$ đến $108^{\circ}50'$ kinh Đông; có diện tích tự nhiên 45.449 km^2 với tổng dân số hơn 17.800.000 người (thống kê năm 2010).

1. Địa lý tự nhiên

Trừ Lâm Đồng là tỉnh miền núi, đồi núi cao dốc điệp trùng với độ cao trên dưới 1.500m, địa hình ở Đông Nam Bộ tương đối bằng phẳng, độ cao so với

mực nước biển dịch chuyển trong biên độ từ 20 đến 200m theo hướng từ Tây Nam lên Đông Bắc. Nhìn toàn bộ, bề mặt địa hình miền Đông Nam Bộ được chia làm 4 vùng chính: vùng đất đỏ bazan gồm nam bắc, đông bắc các tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước, vùng đất phù sa cũ gồm vùng trung du thuộc các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh; vùng đất phù sa mới gồm rẻo phía nam các tỉnh ly Đồng Nai, Bình Dương hắt về phía biển; vùng đồng bằng trũng Đồng Tháp Mười.

Không kể các dải cao nguyên Lâm Viên, Di Linh, Bảo Lộc với đỉnh Bidong cao 2.278m ở thượng nguồn sông Đa Nhim, đỉnh Lang Biang cao 2.167m cạnh hồ Đa Kia Lâm Đồng và dải núi gần với chân Trường Sơn có độ cao từ 1.500m đến gần 2.000m ở Bình Thuận, núi ở miền Đông Nam Bộ chỉ xuất hiện rải rác, đột xuất và phân bố ở hầu khắp các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh. Đáng kể nhất là các núi Bà Đen, Bà Rá, Núi Lớn, Chứa Chan, Núi Cậu, Mây Tào...

Rừng ở miền Đông Nam Bộ chiếm một phần ba đất tự nhiên với khoảng 1.900.000 hecta. Bên cạnh những cánh rừng nguyên sinh với thảm thực vật và động vật có đầy đủ đặc trưng của vùng rừng nhiệt đới châu Á tập trung chủ yếu ở Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai; còn có những trảng cây thấp mọc thưa thớt ở Tây Ninh, Bình Dương; những khu rừng ngập mặn giáp biển mặn Nam Sài

Gòn, rừng tràm gió mạn đông bắc Đồng Tháp Mười, vùng đầm lầy tối trời ở hạ lưu sông Vàm Cỏ. Ngoài ra, còn có hàng ngàn héc ta cao su trải dọc các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh.

Miền Đông Nam Bộ có đường biên giới chung với Vương quốc Campuchia dài 615,527km; đối diện với các tỉnh Long An, Tây Ninh, Bình Phước của Việt Nam là các tỉnh Prey Veng, Svay Rieng, Kampong Cham, Kratie và Modul Kiri của Campuchia. Bờ biển ở miền Đông Nam Bộ dài, gồm nhiều đoạn cao và thấp khác nhau, với nhiều cửa sông lớn như Soài Rạp, Đồng Tranh, Cần Giờ, Lòng Tàu, Cái Mép, Phan Rí; có 36 cửa biển và cửa sông, lớn nhất là cửa biển Cần Giờ nối Sài Gòn với biển Đông. Ngoài khơi có 2 đảo lớn là Côn Đảo và Phú Quý.

Rất nhiều sông ngòi chảy trên địa bàn, trong đó, quan trọng nhất là các con sông Đồng Nai, La Ngà, Đa Nhím, Đa Dung, Sông Bé, Sài Gòn, Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Tính chung toàn miền Đông Nam Bộ có 45 sông, 292 kênh rạch, 113 hồ (đáng kể nhất là các hồ Trị An, Dầu Tiếng, Thác Mơ, Đơn Dương). Ngoài hệ thống đường thủy và đường sắt (Hà Nội - Sài Gòn, trước đây còn có các tuyến đường sắt Sài Gòn - Lộc Ninh, Sài Gòn - Mỹ Tho), hệ thống giao thông bộ ở miền Đông Nam Bộ có 332 tuyến dài 7.607 km, trong đó có 12 quốc lộ (1, 13, 14, 20, 22A, 22B, 51, 55, 56, 62, 27, 28). Ngoài sân bay quốc tế

Tân Sơn Nhất, miền Đông Nam Bộ có các sân bay khác như Biên Hòa, Côn Đảo, Liên Khương, Vũng Tàu, Phan Thiết, Phú Quý.

Miền Đông Nam Bộ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, với hai vùng khí hậu tương đối khác biệt nhau: nửa phía bắc, đông bắc Sài Gòn lên đến dãy Trường Sơn và biên giới Campuchia thuộc các tỉnh Lâm Đồng, bắc Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, và khu vực Sài Gòn với nửa phía nam giáp biển, đồng bằng sông Cửu Long thuộc các tỉnh Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu. Tổng lượng bức xạ nhiệt năng cao và ổn định; lượng mưa dồi dào phân biệt rõ 2 mùa (mưa: tháng 5 đến tháng 10, khô: tháng 11 đến tháng 4 năm sau). Phần lớn địa bàn chịu ảnh hưởng bán nhật triều, thủy triều ngày 2 lần lên và 2 lần xuống với biên độ khá cao.

2. Địa lý hành chính

Trong quá trình lịch sử, tùy vào yêu cầu quản trị phục vụ cho mục đích xâm lược và chống xâm lược mà cả địch và ta đều luôn có sự thay đổi về tổ chức địa lý hành chính.

Trong thời kỳ 1954 - 1975, đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn lập thêm nhiều tỉnh mới trên cơ sở chia nhỏ các tỉnh cũ để dễ bề kiểm soát, bình định. Không kể những tỉnh mới được thành lập, sau đó ít lâu buộc phải giải thể như tỉnh Phước Thành (1959-1965), tính đến năm 1970 - ở miền Đông Nam Bộ và

cực Nam Trung Bộ, dịch tổ chức thành thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh Gia Định, Phước Tuy, Biên Hòa, Long Khánh, Bình Dương, Bình Long, Phước Long, Hậu Nghĩa, Tây Ninh, Kiến Tường, Lâm Đồng, Tuyên Đức, Bình Thuận, Bình Tuy và Đà Lạt, Vũng Tàu, Côn Sơn. Chính quyền cách mạng về cơ bản giữ nguyên tổ chức địa lý hành chính do dịch thiết lập. Ngoại trừ ba trường hợp; thành lập tỉnh Phước Thành (khi dịch thành lập tỉnh Phước Thành năm 1959) và cũng giải thể luôn tỉnh này (khi dịch giải thể vào năm 1965); thành lập tỉnh Bình Phước năm 1971 (sáp nhập hai tỉnh cũ Bình Long, Phước Long); thành lập tỉnh mới Tân Phú năm 1973 (gồm hai huyện Phú Giáo và Bù Cháp), sau đó năm 1974 lại giải thể tỉnh Đồng Nai để thành lập tỉnh mới Tân Phú (gồm các huyện: Tân Phú, Phú Giáo và Độc Lập).

Trong thời kỳ 1975 - 2015, từ năm 1976, thành phố Sài Gòn - Gia Định đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh; các tỉnh Bà Rịa, Long Khánh, Biên Hòa, Tân Phú nhập lại thành tỉnh Đồng Nai; các tỉnh Bình Dương, Bình Phước nhập lại thành tỉnh Sông Bé; các tỉnh Long An, Kiến Tường nhập lại thành tỉnh Long An; các tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy nhập với tỉnh Ninh Thuận thành tỉnh Thuận Hải; các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức và thành phố Đà Lạt nhập lại thành tỉnh Lâm Đồng. Năm 1979, thành phố Vũng Tàu tách khỏi tỉnh Đồng Nai, nhập với Côn Đảo thành lập Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo. Năm 1991, Đặc khu Vũng Tàu -

Côn Đảo nhập với phần Bà Rịa cũ của tỉnh Đồng Nai thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Phần Bình Thuận và Bình Tuy tách khỏi tỉnh Thuận Hải thành lập tỉnh Bình Thuận. Năm 1997, tỉnh Sông Bé chia thành hai tỉnh Bình Dương, Bình Phước.

3. Tổ chức quân sự theo lãnh thổ

Trong quá trình tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến, Trung ương Cục, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập các tổ chức quân sự theo lãnh thổ, gọi là quân khu, phân khu.

Năm 1961, trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, thành lập hai quân khu: Quân khu 7 và Quân khu Sài Gòn - Gia Định.

Quân khu 7 (Quân khu miền Đông, Quân khu 1, T1) bao gồm các tỉnh Bà Rịa, Long Khánh, Biên Hòa, Bình Dương, Bình Long, Phước Long và Tây Ninh. Quân khu Sài Gòn - Gia Định (Quân khu 4, T4) bao gồm thành phố Sài Gòn và các huyện ngoại thành: Bình Tân, Nhà Bè, Thủ Đức, Dĩ An, Gò Vấp, Hóc Môn, Củ Chi. Tỉnh Tân An chia làm hai tỉnh (Kiến Tường, Long An) thuộc Quân khu 8. Các tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng, Tuyên Đức thuộc Quân khu 6. Tháng 2-1962, thành lập Quân khu 10 (T10) bao gồm các tỉnh Phước Long, Bình Long (tách khỏi Quân khu 7) và các tỉnh Quảng Đức, Lâm Đồng (tách từ Quân khu 6). Cuối năm 1963, giải thể Quân khu 10 (tỉnh

Bình Long về Quân khu miền Đông, các tỉnh còn lại nhập về Quân khu 6). Năm 1966, Quân khu 10 được củng cố lại, gồm ba tỉnh: Phước Long, Bình Long, Quảng Đức. Tháng 10-1967, chuẩn bị cho cuộc tiến công tết Mậu Thân, các quân khu được giải thể để thành lập các phân khu hình thành năm cánh trên năm hướng tiến công vào thành phố Sài Gòn: Phân khu 1 (hướng tây bắc), Phân khu 2 (hướng tây), Phân khu 3 (hướng nam), Phân khu 4 (hướng đông), Phân khu 5 (hướng bắc) và Phân khu 6 (nội đô Sài Gòn). Ngoài 6 phân khu nói trên, các tỉnh Bà Rịa, Tây Ninh và Quân khu 10 được giữ nguyên, trực thuộc Bộ Chỉ huy Miền. Tháng 3-1968, Quân khu 7 được thành lập lại (T7), bao gồm địa bàn Phân khu 4 và tỉnh Bà Rịa. Tháng 5-1970, thành lập Phân khu 23 bao gồm địa bàn Phân khu 2 và Phân khu 3. Ngày 30-1-1971, giải thể Quân khu 10 một lần nữa, thành lập Phân khu Bình Phước gồm các tỉnh Bình Long, Phước Long (tỉnh Quảng Đức tách ra, chia nhập về tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Lâm Đồng). Tháng 4-1971, lại giải thể Quân khu 7 (T7). Tỉnh Bà Rịa sáp nhập với các tỉnh Long Khánh, Biên Hòa thành phân khu Bà Rịa. Năm 1972, giải thể các tổ chức phân khu nói trên để khôi phục lại Quân khu 7 (Quân khu miền Đông) và Quân khu Sài Gòn - Gia Định. Quân khu miền Đông lúc này gồm các tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa, Bình Dương. Tây Ninh, Bình Phước trực thuộc Bộ Tư lệnh Miền. Quân khu Sài Gòn - Gia Định gồm khu vực nội

thành Sài Gòn - Chợ Lớn và các quận, huyện vùng ven: Củ Chi, Nhà Bè, Bình Chánh, Tân Bình, Gò Vấp, Hóc Môn, Thủ Đức. Các tỉnh Long An, Kiến Tường sáp nhập trở lại Quân khu 8. Năm 1974, Quân khu Sài Gòn - Gia Định đổi thành Thành đội Sài Gòn - Gia Định. Quân khu miền Đông Nam Bộ thống nhất tên gọi là Quân khu 7. Đầu năm 1975, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Phước tách khỏi Quân khu 7, trực thuộc Bộ Chỉ huy Miền. Các tổ chức này tồn tại đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Tháng 7-1976, Bộ Chỉ huy Miền giải thể. Quân khu 6 nhập về Quân khu 5. Quân khu 8 nhập về Quân khu 9. Quân khu 7 được kiện toàn lại bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai (gồm cả Bà Rịa, Vũng Tàu), Sông Bé (gồm cả Bình Dương, Bình Phước), Tây Ninh. Tháng 3-1978, tỉnh Long An thuộc Quân khu 9, nhập về Quân khu 7. Năm 1999, 2 tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận thuộc Quân khu 5, về trực thuộc Quân khu 7. Quân khu 7 mở rộng gồm 9 tỉnh, thành phố như đã nêu ở phần đầu của bài này.

4. Dân cư

Xuất xứ của cư dân ở miền Đông Nam Bộ có 2 nguồn chủ yếu: cư dân bản địa và lưu dân từ Trung và Bắc Việt Nam. Cư dân bản địa gồm một số dân tộc ít người có thể đã làm chủ xứ Đồng Nai từ hàng ngàn năm trước. Lưu dân xuất hiện từ cuối thế kỷ 16, đầu thế kỷ 17, từng đoàn người Việt chủ yếu là nông dân,

vì nhiều lý do khác nhau đã đến chinh phục thiên nhiên, làm chủ đất đai cả vùng Sài Gòn và lưu vực sông Đồng Nai. Từ đó đến nay, miền Đông Nam Bộ trở thành nơi cư tụ của nhiều thế hệ đồng bào, cán bộ, chiến sĩ của hầu hết các địa phương trong cả nước.

Bên cạnh người Kinh chiếm đa số (92,46%), ở miền Đông Nam Bộ có trên 40 dân tộc anh em khác như Stiêng, Ch'ro, Mạ, M'nông, Chăm, Hoa, Khơme... Có 4.700.000 tín đồ tôn giáo, chiếm 34% tổng số dân với 5.000 cơ sở thờ tự, đáng kể nhất là đạo Phật, đạo Thiên chúa, đạo Cao Đài và Tin lành.

Nhu cầu cùng tồn tại, làm chủ thiên nhiên, đấu tranh chống xâm lược và xây dựng phát triển nơi sinh sống đã cố kết họ thành một khối thống nhất có tinh thần thương yêu đùm bọc và đoàn kết thống nhất cao. Quá trình đấu tranh để tồn tại và phát triển trong điều kiện lịch sử mới ở đất mới miền Nam đã dần dần tạo cho con người ở đây những nét tính cách riêng. Đó là tình yêu quê hương đất nước da diết; là ý chí bất khuất, khảng khái và năng động trước mọi cản trở của hoàn cảnh; là tinh thần chiến đấu táo bạo, kiên cường và trí tuệ mưu lược; là phẩm chất tự lực tự cường, cần cù lao động sáng tạo; là tinh thần đoàn kết gắn bó và lối ứng xử trung thực, hào hiệp, chân thành. Đặc điểm trên cũng chính bắt nguồn từ tính cách chung của dân tộc, hòa quyện và góp phần tạo nên tính cách của dân tộc Việt Nam.

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

5. Đặc điểm địa lý quân sự

Đặc điểm về địa lý và dân cư nêu ở trên làm cho miền Đông Nam Bộ có một vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, cả trong thời kỳ kháng chiến và thời kỳ xây dựng bảo vệ Tổ quốc.

Đối với địch, miền Đông Nam Bộ luôn luôn là địa bàn chiến lược mang ý nghĩa sống còn của cuộc chiến tranh xâm lược. Trong đó, thành phố Sài Gòn là đại bản doanh của quân viễn chinh, là thủ đô, trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa của các chế độ nguy quyền; nơi phát ra và chỉ đạo thực hiện các chủ trương chiến lược, các kế hoạch, biện pháp và thủ đoạn chiến thuật của cuộc chiến tranh; nơi bố trí phần lớn lực lượng quân sự với những đơn vị cơ động chiến lược sừng sỏ cùng hệ thống kho tàng dự trữ vật chất kỹ thuật nuôi sống guồng máy cuộc chiến tranh xâm lược. Có thể nói rằng, đây là nơi chúng tập trung đánh phá ác liệt nhất về quân sự, chính trị, nơi diễn ra thường xuyên với qui mô lớn các cuộc hành quân càn quét, các chiến dịch và trận đánh lớn có ý nghĩa làm thay đổi cục diện chiến trường; nơi thực hiện một cách có hệ thống và tinh vi các kế hoạch chính trị phản động, các thủ đoạn chiến tranh tâm lý và truyền bá lối sống thực dân; nơi địch tập trung “bình định”, vơ vét sức người sức của phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược.

Đối với ta, miền Đông Nam Bộ có ba vùng chiến

lược hoàn chỉnh: đô thị, nông thôn đồng bằng, nông thôn rừng núi, có hải cảng và miền ven biển, có đường biên giới. Nhân dân có truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm bất khuất. Số lượng công nhân công nghiệp và công nhân các đồn điền cao su và đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao. Trong kháng chiến, đây là địa bàn có khả năng thể hiện sự vận dụng đầy đủ đường lối quân sự, chính trị của Đảng ta về tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, với phương châm kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, kết hợp ba thứ quân, ba mũi giáp công, ba vùng chiến lược, kết hợp tiến công với nổi dậy, chiến tranh du kích với chiến tranh chính qui... Đây cũng là địa bàn có điều kiện biểu hiện một cách trực tiếp truyền thống đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân và lực lượng vũ trang hai nước Việt Nam - Campuchia. Từ sau năm 1975, địa bàn Quân khu 7 - tương ứng với phạm vi miền Đông Nam Bộ - có một vị trí chiến lược trọng yếu trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng - an ninh; là địa bàn trọng điểm, "tiền đồn" trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. QUÁ TRÌNH RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHỮNG ĐƠN VỊ CÔNG BINH TRÊN CHIẾN TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG NAM BỘ VÀ CỰC NAM TRUNG BỘ

1. Những đơn vị công binh tiền thân

Sau thất bại của chiến lược "chiến tranh đặc

biệt”, năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh và phương tiện kỹ thuật quân sự vào miền Nam Việt Nam và tăng cường đánh phá miền Bắc. Quân dân ta ở cả hai miền Nam Bắc đều cầm súng đánh Mỹ. Ở miền Nam, quân và dân ta đã đánh bại hai cuộc phản công mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 của Mỹ - ngụy. Cuối năm 1967, cả nước chuẩn bị thực hiện cuộc Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa trên toàn miền Nam vào Tết Mậu Thân 1968 nhằm giáng một đòn quyết định đánh gục ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Nhiều đơn vị vũ trang miền Bắc được chuyển vào Nam, trong đó có lực lượng bộ đội công binh. Tiểu đoàn 739, một trong bốn tiểu đoàn của Trung đoàn công binh 25 sau này, là một trong số những đơn vị đó. Tiểu đoàn 739, lúc đầu được gọi là Đoàn 739, thành lập chính thức vào ngày 14 tháng 4 năm 1966 tại thôn Vật Lại, Sơn Tây, tỉnh Hà Tây, được hình thành từ Đoàn 1506 Bộ Tư lệnh Công binh. Tiểu đoàn khi mới thành lập có 3 đại đội: Đại đội 5, Đại đội 7 và Đại đội 10, tổng quân số xấp xỉ 600 cán bộ, chiến sĩ. Ngay sau khi thành lập, đoàn được huấn luyện chủ yếu về đánh cầu và giao thông đường bộ, đồng thời tập hành quân mang vác nặng. Ngày 17 tháng 11 năm 1966, Đoàn bắt đầu lên đường vào chiến trường miền Nam (gọi là đoàn để giữ bí mật về lực lượng). Ngoài vũ khí bộ binh trang bị chủ yếu của tiểu đoàn là cuốc, xẻng, mìn, bộc phá. Ban chỉ huy tiểu đoàn lúc đầu gồm các đồng chí: Đại úy Hồ Nam - Tiểu đoàn

trưởng; Đại úy Đỗ Nghiêm - Chính trị viên; Thượng úy Bùi Thái Bản - Tiểu đoàn phó; Trung úy Vũ Xuân Hựu - Chính trị viên phó Tiểu đoàn.

Sau hơn 5 tháng hành quân dọc Trường Sơn qua nhiều vùng rừng thiêng nước độc, ngày 1 tháng 5 năm 1967, tiểu đoàn đến nơi tập kết đầu tiên là một căn cứ gần biên giới Campuchia, cách Bù Đốp tỉnh Phước Long 10 ki-lô-mét về hướng tây bắc. Vừa chân ướt chân ráo đặt balô, chưa có bao nhiêu thời gian nghỉ ngơi dưỡng sức sau nhiều tháng hành quân gian khổ từ miền Bắc vào, Tiểu đoàn 739 đã có lệnh hành quân về Phước Long nhận nhiệm vụ mở ba tuyến đường tải bộ từ Đoàn hậu cần 86 ở tây bắc sông Đắc Uýt đến Đoàn 84 ở Mã Đà (chiến khu Đ). Đoàn hậu cần 86 là đoàn hậu cần lớn của Miền, nằm trên đầu cầu tiếp nhận chi viện đường 559 từ miền Bắc vào Nam Bộ. Từ tổng kho của đoàn, nhiều hàng hóa quan trọng như vũ khí, khí tài, lương thực được chuyển tiếp cho các đoàn hậu cần các khu vực. Thời gian dự định Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa đã đến gần, việc bảo đảm chuyển đủ số vũ khí hàng hóa cho các Đoàn 81, 84, những hướng quan trọng vào Sài Gòn là hết sức cấp thiết, vì vậy, cán bộ chiến sĩ của Tiểu đoàn 739 phải tranh thủ ngày đêm để mở đường. Công binh mở đường đến đâu, các đơn vị hậu cần chuyển hàng đến đó. Cuối tháng 9, khi các con đường chính và phụ hoàn thành, cũng là lúc hậu cần đã đưa được 1.000 tấn hàng xuống Đoàn 81 và 3.000 tấn xuống Đoàn 84.

Tuy nhiên, số hàng này cũng chưa đủ, việc thô và tái bộ không thể kịp thời gian. Vì vậy, Bộ chỉ huy Miền lệnh cho Tiểu đoàn 739 phải sửa tuyến đường 60 dự bị, từ kho căn cứ của Đoàn hậu cần 86 vượt qua sông Đắc Uýt, cắt qua đường 10 về nam đường 14 xuống Lam Sơn dài 45 ki-lô-mét, tất cả phải hoàn thành trong 1 tháng.

Đường 60 là đường tải bộ, nay Tiểu đoàn 739 có nhiệm vụ dựa vào đó để mở thành đường ô tô. Công việc không dễ dàng vì đường mòn cũ chạy ngoằn ngoèo, quanh co, gấp khúc, có đoạn phải mở qua khu rừng rậm tre nứa, mây gai, vì vậy không những chỉ mở rộng mà nhiều đoạn phải làm đường mới, bắc lại nhiều cầu và ngầm.

Tháng 11-1967, trong khi công việc đang khẩn trương thì quân ngụy mở cuộc càn “Ngọn roi”. Đây là một trong những cuộc càn của địch vào sâu các vùng căn cứ cách mạng. Nhiều lần quân địch càn quét vào đúng khu vực tiểu đoàn đang mở đường. Vì vậy, vừa đảm bảo tiến độ thi công, tiểu đoàn vừa phải trợ giúp hậu cần di chuyển, cất giấu các kho tàng, đồng thời cử một số trung đội và tiểu đội làm nhiệm vụ chống càn. Sau một số ngày lùng sục không phát hiện gì khả nghi, địch rút quân, tuyến đường vẫn đảm bảo được bí mật. Đến trước Tết Mậu Thân năm 1968, con đường 60 từ sông Đắc Lung cắt qua đường 10 xuống nam đường 14 dài 45 ki-lô-mét hoàn thành đúng thời hạn trên giao, bảo đảm cho các đơn vị cơ động chuyển

quân, vận chuyển hàng hóa cho các hướng. Các công trình mở đường vận chuyển phục vụ Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968 là những tuyến đường đầu tiên của Tiểu đoàn 739 thi công kể từ khi vào Nam Bộ, mở đầu cho truyền thống anh hùng “mở đường thắng lợi” của tiểu đoàn sau này.

Tháng 3-1968, Tiểu đoàn 739 rời Phước Long đi Đăclấp, bắt tay vào nhiệm vụ mới: làm một con đường từ Sê-rê-pôc vào Phước Long để nối tuyến đường chiến lược 559 từ Tây Nguyên vào. Con đường này dài khoảng 200 ki-lô-mét dự định dùng cho cả các loại xe kéo pháo lớn. Qua đó, chiến trường B2 có thể tiếp nhận được các vũ khí nặng và số quân lớn từ miền Bắc vào chi viện cho miền Nam. Con đường chiến lược này do Tiểu đoàn 739 và 274 cùng thi công. Tiểu đoàn 274 đảm nhiệm đoạn từ Sê-rê-pôc về ngã ba biên giới dài 42 ki-lô-mét. Tiểu đoàn 739 đảm nhiệm đoạn từ Ngã ba biên giới về kho căn cứ Đoàn hậu cần 86. Đây là đoạn đường có địa hình phức tạp, có nhiều khe suối, đồi cao, tiểu đoàn phải khắc phục nhiều khó khăn trong thi công. Đến giữa năm 1968, đường Sê-rê-pôc vào Phước Long đã hoàn thành, song do tuyến đường ô tô 559 chưa vào đến khu vực này nên chưa phát huy được tác dụng, phải đến năm 1974, khi tuyến đường 559 lật cánh sang Đông Trường Sơn, đoạn đường này mới thực sự được khai thông qua Phước Long vươn tới Lộc Ninh. Sau đợt mở đường này, Tiểu đoàn 739 được Bộ chỉ huy Miền tăng cường thêm 1 đại đội (Đại đội 4).

Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968 đã giành được thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán tại Paris và bắt đầu thời kỳ rút dần quân Mỹ về nước. Tuy nhiên lực lượng cách mạng cũng chịu tổn thất lớn, phải lùi dần khỏi các đô thị và vùng nông thôn. Mùa khô 1969 - 1970, sau khi phần lớn các đơn vị chủ lực cách mạng rút về vùng biên giới, Mỹ - ngụy đánh phá quyết liệt vùng căn cứ đầu não này của B2. Máy bay B52 ngày đêm dội bom, trong đó có gần ngàn quả cày nát các mạch đường vận chuyển. Ngày 18-3-1970, Mỹ hỗ trợ cho phái thân Mỹ trong chính phủ Hoàng gia Campuchia, do Thủ tướng Lonnon đứng đầu lật đổ Quốc trưởng Nô-rô-dôm Xi-ha-nuc. Mục tiêu của Mỹ là cắt đứt con đường tiếp viện đại ngạch của Hậu cần Miền qua cảng Xi-ha-núc-vin, đồng thời phối hợp với ngụy Sài Gòn, vây bọc các cơ quan đầu não và chủ lực Miền của ta ở vùng biên giới để tiêu diệt, hòng nhanh chóng chấm dứt chiến tranh. Vì vậy, ngay sau cuộc đảo chính, tháng 4-1970, quân Mỹ và ngụy mở cuộc tiến công quy mô lớn lên vùng biên giới, tràn vào đất Campuchia. Để bảo tồn lực lượng, các cơ quan và đơn vị dọc biên giới được lệnh của Bộ chỉ huy Miền nhanh chóng lật cánh sang Campuchia, ổn định căn cứ và tổ chức chống càn quét lớn. Đó là những tháng ngày gian nan nhất của tiểu đoàn. Trong hoàn cảnh B52 đánh phá ác liệt, quân Mỹ - ngụy dồn vào lòng sục, Tiểu đoàn 739 vừa phải giữ vững mạng đường vận

chuyển cũ, vừa phải mở đường cho các cơ quan và đơn vị di chuyển, đồng thời cũng phải di chuyển cơ sở vật chất của mình với nhiều phương tiện, dụng cụ. Để đáp ứng các yêu cầu của Bộ chỉ huy Miền, Phòng Công binh và các tiểu đoàn tổ chức nhiều đài quan sát bám các mạch đường, chuẩn bị sẵn các phương án, phương tiện và dụng cụ cho các tình huống bất ngờ. Cán bộ chỉ huy luôn nắm chắc tình hình đường sá và các yêu cầu của cấp trên, sử dụng lực lượng hợp lý. Nhờ vậy, Tiểu đoàn giải quyết thông đường nhanh, bảo đảm cho vận chuyển cơ giới thông suốt. Trong năm 1970, Tiểu đoàn 739 đã cùng các Tiểu đoàn 274, 276 mở 192 ki-lô-mét đường mới, sửa 106 ki-lô-mét đường xe hơi cũ, mở 115 ki-lô-mét đường xe thô, giữ vững được các tuyến đường cũ, góp phần quan trọng bảo toàn chủ lực và các cơ quan căn cứ.

Không chỉ phục vụ di chuyển căn cứ, Tiểu đoàn 739 còn trực tiếp tham gia chống càn, bảo vệ đường vận chuyển và các cơ quan đơn vị của Hậu cần Miền. Ngày 15-5-1970, 7 chiến sĩ của Đại đội 8 làm nhiệm vụ bảo vệ Bệnh viện K79B (Miền) ở Bù Gia Mập (Phước Long) với tinh thần cảnh giác bám sát địch, đã mưu trí đánh lui 1 trung đội Mỹ đang trên đường tiến vào căn cứ, tiêu diệt 7 tên, làm bị thương một số tên khác, bảo vệ an toàn cho các thương bệnh binh còn chưa kịp di chuyển. Tháng 6-1970, tiếp tục nhiệm vụ bảo vệ đường vận chuyển và Bệnh viện K79B, Đại đội 8, Tiểu đoàn 739 liên tiếp thực hiện 3 trận đánh

đạt hiệu suất cao, mỗi trận loại khỏi vòng chiến đấu và làm bị thương hàng chục lính Mỹ tại suối Băm (Bù Gia Mập). Chiến thắng của Đại đội 8 trở thành tấm gương thi đua cho toàn Tiểu đoàn 739. Riêng đồng chí Vũ Duy Vang, người trực tiếp chỉ huy thắng lợi các trận đánh sau này được phong tặng danh hiệu "*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*" (12-1979).

Năm 1970, do nhu cầu phải phát triển lực lượng công binh cầu đường để đảm bảo di chuyển, thiết lập các căn cứ mới, đồng thời phục vụ tác chiến của chủ lực trên đất Campuchia, Bộ chỉ huy và Phòng Công binh Miền thành lập thêm một số đơn vị công binh công trình mới trên cơ sở lực lượng tân binh được chuyển từ miền Bắc vào. Tiểu đoàn 739 vừa đảm nhiệm công tác bảo đảm trong điều kiện hết sức khó khăn, vừa xây dựng huấn luyện thêm Đại đội 4 tân binh. Sau 2 tháng huấn luyện, Đại đội 4 đã được tách ra để nhập với Đại đội 2 (rút ra từ Tiểu đoàn 274) và Đại đội KT25 thành lập nên Tiểu đoàn 276, vừa đảm bảo cầu đường, vừa đảm bảo vượt sông.

Cuối năm 1970, Phòng Công binh Miền tiếp tục thành lập thêm Tiểu đoàn công binh vượt sông 278 trên cơ sở 2 đại đội công binh mới từ miền Bắc vào và Đại đội 23 tại chỗ. Đây chính là tiểu đoàn thứ hai có mặt tại chiến trường B2 của Trung đoàn 25 sau này. Tuy tiểu đoàn được đào tạo về vượt sông, nhưng do lúc này Miền chưa có đủ khí tài, nên tiểu đoàn làm cả nhiệm vụ cầu đường. Ban chỉ huy tiểu đoàn khi

mới thành lập gồm các đồng chí Lê Trọng Tuất - Tiểu đoàn trưởng; Đỗ Nghiêm - Chính trị viên.

Năm 1971, các đơn vị chủ lực Miền phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia thực hiện 2 cuộc phản công lớn trên chiến trường Campuchia: Chiến dịch phản công đông bắc Campuchia (từ tháng 2 đến tháng 5-1971), đánh bại cuộc hành quân “Toàn thắng 1-71”, một cố gắng lớn cuối cùng của quân đội ngụy Sài Gòn trên chiến trường Campuchia và cuộc hành quân “Chenla 2” (từ tháng 8 đến tháng 12-1971) của quân ngụy Lonnon trên đường số 6, tạo điều kiện thuận lợi vững chắc cho cuộc tiến công chiến lược năm 1972. Các chiến dịch đều diễn ra trong thời gian dài, trên một địa bàn rộng, nên công binh cầu đường phải hoàn thành những khối lượng công việc lớn. Vừa mở các tuyến đường vận chuyển cho hậu cần, các tuyến đường cho cơ giới, binh khí kỹ thuật trên nhiều vùng, nhiều hướng, nhiều địa hình, các tiểu đoàn còn phải đảm bảo nhiều loại công trình cho binh khí kỹ thuật vượt sông nhẹ. Tất cả đều gấp rút nên các đơn vị phải thi công với nhịp độ hết sức khẩn trương. Khí tài không đủ, cán bộ chiến sĩ công binh phải sử dụng nhiều dụng cụ thô sơ, lấy sức người bù lại. Không có phà vượt sông, các chiến sĩ phải ghép thùng phuy, thuyền ghe của dân, các bè tre nữa... lại làm phà. Những đơn vị mới thành lập, trình độ kỹ thuật còn yếu kém cũng bám các mạch đường, vừa làm, vừa học. Nhờ vậy, mọi nhiệm vụ đều được hoàn thành. Trong

chiến dịch phản công đông bắc Campuchia đầu năm 1971, Đại đội 20 của Tiểu đoàn 278 đã hoàn thành công trình ghép phà bằng thuyền ghe của dân, bảo đảm cho xe và pháo từ đường 559 vào qua sông Sê-san tại bến Stung-treng. Đây là lần đầu tiên Công binh Miền bảo đảm cho binh khí kỹ thuật nặng vượt sông lớn bằng phương tiện khí tài tại chỗ. Trong chiến dịch đánh bại cuộc hành quân “Chenla 2” của ngụy Lonnon, Tiểu đoàn 278 và Đại đội KT15, cũng bằng việc ghép phà như trên, đã đưa 2 khẩu pháo chiến lợi phẩm vượt sông Mê Công an toàn tại bến Côm-sô-ma. Trong năm 1971, Tiểu đoàn 278 đã mở 5 ki-lô-mét đường mới, làm 29 cầu cho xe cơ giới và chở 31 chuyến phà đưa binh khí kỹ thuật nặng qua sông. Từ tháng 1 đến tháng 10-1971, Tiểu đoàn 739 đã mở 116 ki-lô-mét đường mới, sửa chữa 196 ki-lô-mét đường cũ, làm 29 mét cầu qua sông, đồng thời huấn luyện kỹ thuật cho 1 đại đội để xây dựng tiểu đoàn mới 276.

Cuối năm 1971, thực hiện quyết định của Trung ương Đảng “giành thắng lợi quyết định trong năm 1972”, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền quyết định mở cuộc tiến công chiến lược ở B2, phối hợp với miền Trung và Tây Nguyên bằng hai đòn chủ yếu: mở chiến dịch Nguyễn Huệ ở miền Đông Nam Bộ và mở đợt hoạt động chống phá bình định ở các vùng nông thôn, đồng bằng, trọng điểm là đồng bằng sông Cửu Long.

Chiến dịch Nguyễn Huệ được dự tính thực hành trên một địa bàn rộng gồm các tỉnh: Tây Ninh, Bình Long, Phước Long, Bình Dương, giải phóng những khu vực quan trọng thuộc 4 tỉnh, hỗ trợ cho phong trào chống phá bình định ở khắp các vùng nông thôn, đồng thời rèn luyện nâng cao trình độ tác chiến tập trung, hiệp đồng binh chủng của bộ đội chủ lực. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: 3 sư đoàn, 8 trung đoàn, 8 tiểu đoàn (bộ binh và binh chủng), ngoài ra còn có gần 100 tiểu đoàn và đại đội bộ đội địa phương. Như vậy, địa bàn chiến dịch rất rộng, lực lượng tham gia chiến dịch hùng hậu nhất từ trước tới nay, mục tiêu của chiến dịch cũng rất lớn. Yêu cầu đối với công binh, do vậy, cũng cao hơn hẳn các chiến dịch trước.

Vừa hoàn thành những công việc rất lớn của năm 1971, các Tiểu đoàn 739 và 278 vừa phải luân phiên tổ chức huấn luyện cho cán bộ chiến sĩ, nhằm nâng cao năng lực cho các đơn vị đúng theo yêu cầu của một chiến dịch có ý nghĩa chiến lược. Cán bộ chiến sĩ được tập luyện kỹ về kỹ thuật làm gấp các đường quân sự, kỹ thuật chống lầy, kỹ thuật bảo đảm cho xe tăng và pháo lớn, kỹ thuật làm bến, bắc cầu quân sự và ghép phà bằng các phương tiện thô sơ như thùng phuy, tre nứa, thuyền con... Hai tiểu đoàn đều được bổ sung tân binh nhưng đồng thời tiếp tục đóng vai trò các đơn vị nòng cốt, chuyển một số cán bộ trung đội, tiểu đội sang thành lập một đại đội công binh cho xe tăng.

Ngay khi vừa hoàn thành công tác bảo đảm cho chiến dịch phản công hành quân “Chenla 2” xong, các tiểu đoàn Công binh Miền tiếp tục chuẩn bị cho chiến dịch Nguyễn Huệ. Tiểu đoàn 278 mở 1 con đường mới dài 80 ki-lô-mét từ Sêsu (sông Sê-san) nối vào đường 559 từ Hạ Lào sang. Tiếp đó Tiểu đoàn 739 phối hợp với Tiểu đoàn 276 mở 2 con đường nối Sê-san đến quốc lộ 14 dài 216 ki-lô-mét. Việc vận chuyển cơ giới từ Bắc vào đã thông suốt đến tận địa bàn chiến dịch. Xe ô tô, xe tăng và xe kéo pháo có thể cơ động cả trong mùa khô và mùa mưa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận những khối lượng lớn hàng quân sự, cho việc vận chuyển lực lượng và binh khí kỹ thuật nặng đáp ứng yêu cầu chiến dịch.

Đầu năm 1972, đánh hơi được phương hướng chiến lược chung của lực lượng vũ trang cách mạng, quân nguy mở nhiều cuộc hành quân lớn, dài ngày, kết hợp với các cuộc hành quân quy mô nhỏ và hoạt động biệt kích dọc theo tuyến biên giới miền Đông để phá công tác chuẩn bị của Quân Giải phóng. Cuộc hành quân “Toàn thắng 72B” và các hoạt động của không quân, biệt kích nguy uy hiếp các tuyến đường cả ngày lẫn đêm, khiến cho lực lượng công binh hết sức khó khăn trong công việc. Để hoàn thành được nhiệm vụ, đồng thời giữ bí mật chiến dịch, công binh vừa làm đường mới, vừa tận dụng nhiều đường bộ cũ, kể cả các đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường be kéo gỗ xuyên rừng, kết hợp với các tuyến đường thủy ở sông

Mê Công, sông Cửu Long, sông Sài Gòn, sông Bé và Vàm Cỏ Đông... Các tuyến đường chiến dịch dành cho xe pháo công binh chỉ được chuẩn bị trước khi nổ súng từ 10 đến 15 ngày. Các con đường chuẩn bị cho xe pháo từ biên giới vào nội địa địch chỉ được mở sau khi bộ binh đã chuyển xong quân vào nội địa, tiếp cận địch. Hệ thống đường chiến dịch đều phải làm vòng tránh xa các khu vực đông dân cư, làm đến đâu nguy trang đến đấy. Chiến sĩ công binh được giáo dục rất kỹ các nguyên tắc “không để địch phát hiện, không để mất tài liệu, không để bị bắt, không lộ bí mật, không có hiện tượng đào ngũ hay đầu hàng địch”. Hiểu “bí mật bất ngờ” là sức mạnh, lại là lực lượng đi trước chuẩn bị, cán bộ chiến sĩ công binh tuân thủ hết sức chặt chẽ nguyên tắc bảo mật. Vì vậy, mặc dù mạng đường chiến dịch khá dài và rộng, tính bí mật, bất ngờ vẫn được bảo đảm cho đến ngày nổ súng. Cuối tháng 3 năm 1972, Tiểu đoàn công binh 739, 278 cùng với các đơn vị công binh cầu đường khác hoàn thành được 6 tuyến đường chiến thuật dài 561 ki-lô-mét từ lộ 7 (Campuchia) xuống tận biên giới tây sông Sài Gòn và bắc Lộc Ninh, nối thông với các tuyến đường lộ ở miền Đông Nam Bộ. Không chỉ hoàn thành đúng kế hoạch, đúng thời gian, các tuyến đường còn bảo đảm yêu cầu kỹ thuật tương đối tốt.

Ngày 1 tháng 4 năm 1972, chiến dịch Nguyễn Huệ mở màn cuộc tiến công chiến lược 1972 ở B2 bắt đầu. Sau gần nửa tháng đột phá mãnh liệt vào các

tuyến phòng ngự của địch dọc biên giới, quân ta đã giải phóng cơ bản 4 huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập (Bình Phước) và Tân Biên (Tây Ninh), cắt đứt đường số 13, bao vây tiến công thị xã An Lộc. Công binh cầu đường theo các cánh mũi chiến dịch, tiếp tục mở thêm 309 ki-lô-mét đường, nâng tổng cộng số đường làm mới và sửa chữa lên 1.252 ki-lô-mét, nối vùng căn cứ lớn đến suốt chiều sâu chiến dịch. Tiểu đoàn 739 cùng với các Tiểu đoàn 276 và 25 đảm trách hướng tiến công chủ yếu Lộc Ninh - An Lộc, đã tạo điều kiện cho Sư đoàn 5 hoàn thành xuất sắc trận then chốt mở màn.

Cuối tháng 4 năm 1972, miền Bắc tiếp tục chuyển vào cho Công binh Miền 1 tiểu đoàn vượt sông nặng TPP, phiên hiệu 741. Ban chỉ huy tiểu đoàn gồm các đồng chí: Lê Chí Thân - Tiểu đoàn trưởng; Vũ Thế Hình - Chính trị viên; Nguyễn Văn Đạc - Tham mưu trưởng. Khi xuất phát, tiểu đoàn có 2 đại đội với 48 xe thuyền và 12 xe mô ván cầu, nhưng khi vào đến B2, một số khá lớn khí tài và một phần quân số đã bị máy bay địch ném bom hủy hoại trên đường từ Sê-san về Mi Mốt. Vì vậy, tiểu đoàn phải mất vài tháng để xây dựng, củng cố lại.

Tuy có bị tổn thất, song sự có mặt của Tiểu đoàn 741 vào thời kỳ lực lượng chủ lực Miền đang chuyển lên tác chiến quy mô hiệp đồng binh chủng, đã đáp ứng được yêu cầu vận chuyển vũ khí, cơ giới nặng qua các sông lớn, giảm bớt việc phải ghép phà bằng thùng

phuy và thuyền ghe rất mất công sức. Tiểu đoàn 741 sau này là một trong 4 tiểu đoàn của Trung đoàn 25 công binh Quân khu 7.

Giữa tháng 5 năm 1972, sau 3 lần tiến công thị xã Bình Long không kết quả, do địch đã tăng viện, cố thủ rất mạnh tại đây, Bộ chỉ huy Miền chuyển sang mở đợt hoạt động tổng hợp ở đồng bằng sông Cửu Long. Các tiểu đoàn công binh được chia sẻ ra hai hướng: Đông Nam Bộ và Trung Nam Bộ. Tiểu đoàn 278 (thiếu), Đại đội 5 (Tiểu đoàn 739) và Tiểu đoàn vượt sông 741 được lệnh hành quân xuống Long An, đảm bảo cơ động vượt sông ở Đức Hòa, Đức Huệ, khu vực Long Khốt giáp biên giới Campuchia. Lần đầu tiên làm nhiệm vụ bảo đảm cơ động cho một sư đoàn chủ lực chiến đấu trên chiến trường sông nước, công binh gặp rất nhiều khó khăn về lực lượng, khí tài. Tuy vậy, Công binh Miền đã phục vụ Sư đoàn 5 thực hiện thắng lợi nhiều trận đánh, tiêu diệt 15 đồn bốt, giải phóng 14 xã và 6.000 dân, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của chiến dịch tổng hợp vùng đồng bằng Khu 8.

Ở miền Đông Nam Bộ, sau khi làm cầu và dẫn đường cho xe tăng tiến công thị xã Bình Long, Tiểu đoàn 739 (thiếu) lại tiếp tục sửa chữa 7 cầu (chiều dài tổng cộng 110 mét) và mở 30 ki-lô-mét đường trên đường 7 cho Đoàn hậu cần 220 chuyển hàng. Tháng 12 năm 1972 và tháng 1 năm 1973, Tiểu đoàn 739 đã bảo đảm thông suốt đường số 7, làm bến vượt sông

Sài Gòn, làm hệ thống cầu ngầm 40 tấn cho xe tăng và pháo của Trung đoàn 14 và Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) đánh bại cuộc hành quân của sư đoàn 5 ngụy trên đường số 14, đoạn Rạch Bắp - Dầu Tiếng và vùng Long Nguyên - Minh Hòa, giữ vững vùng giải phóng trước khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực.

Tháng 1 năm 1973, tổng kết chiến dịch Nguyễn Huệ, Bộ chỉ huy Miền đã đánh giá cao thành tích phục vụ của các tiểu đoàn công binh. Tiểu đoàn 739 được tặng cờ “Phục vụ xuất sắc” và Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhì, riêng Đại đội 10 của tiểu đoàn được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba.

Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết và một ngày sau bắt đầu có hiệu lực. Để tạo thế đứng vững chắc cho cuộc đấu tranh trong tình hình mới, Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền di chuyển căn cứ về Chàng Riệc (Tây Ninh) và Tà Thiết (Bình Phước). Cuộc di chuyển căn cứ của các cơ quan đầu não B2 kéo dài trong nhiều tháng và phải đảm bảo an toàn, bí mật tuyệt đối. Cùng với lực lượng thông tin, bộ đội công binh là những đơn vị đi trước mở đường hành quân. Bắt đầu từ cuối tháng 1 đến ngày 8 tháng 2 năm 1973, Tiểu đoàn công binh vượt sông 741 cùng với một đại đội trinh sát Công binh Miền thi công hoàn thành hai tuyến đường nối căn cứ cũ với căn cứ mới, phục vụ cho ba cơ quan Cục

Tham mưu, Cục Chính trị, Cục Hậu cần di chuyển thuận lợi, an toàn.

Năm 1973, thực hiện chủ trương của Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền về xây dựng vững chắc vùng căn cứ giải phóng, phát triển lực lượng, tạo thế và lực cho cách mạng đi đến kết thúc cuộc chiến tranh, các đơn vị Công binh Miền tập trung vào nhiệm vụ xây dựng nhà cửa, hầm hào, kho tàng và các mạch đường vận chuyển phục vụ hoạt động của các căn cứ, đồng thời tăng cường quân số, xây dựng các đơn vị mới, luân phiên nhau tập huấn, huấn luyện kỹ thuật chuyên môn. Trong năm 1973, các Tiểu đoàn 739, 278, 741 đã góp sức quan trọng cùng các đơn vị công binh khác làm mới và sửa cũ gần 1.000 ki-lô-mét đường nối các căn cứ, các đoàn hậu cần, bắc 36 cầu qua sông suối dài 400 mét và làm nhiều bến, ngầm cho xe cơ giới cơ động, đồng thời còn trình sát thêm nhiều tuyến đường làm quy hoạch đường sá cho năm 1974. Tiểu đoàn 739 trở thành một trong ba tiểu đoàn xây dựng cầu đường giỏi của công binh Miền. Chỉ bằng những khí tài thô sơ và thực hiện bằng tay, tiểu đoàn bắc những chiếc cầu dài 75 mét, chân cọc cao nhất 8,5 mét qua sông Sài Gòn. Cuối năm 1973, Đại đội 10 của Tiểu đoàn 739 được tuyên dương “Đơn vị Anh hùng”. Cũng trong năm 1973, Tiểu đoàn 278, 741 tham gia xây cất nhiều công trình như: xây nhà khách Bộ chỉ huy Miền, xây hệ thống kho hầm cho Đoàn hậu cần 210 nhận hàng tiếp viện từ Trung ương vào. Việc mở

rộng các mạng đường sá trong căn cứ, xây dựng kho tàng, nhà xưởng quy mô lớn cho hậu cần không chỉ tạo thuận lợi cho hoạt động mọi mặt của căn cứ, mà còn tạo điều kiện cho hậu cần Miền có thể tiếp nhận những khối lượng vật chất lớn từ miền Bắc chuyển vào. Chỉ tính từ tháng 1 đến tháng 9 năm 1973, khối lượng hàng chuyển vào đã gấp 4 lần năm 1972.

Tiểu đoàn 741 có chức năng là một tiểu đoàn bảo đảm vượt sông, nhưng do yêu cầu xây dựng căn cứ phải chuyển sang nhiệm vụ xây cất kho tàng hầm hào, song cũng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ngoài ra tiểu đoàn còn làm nòng cốt xây dựng thêm một tiểu đoàn công binh mới, Tiểu đoàn 745 công trình. Năm 1973, Tiểu đoàn 741 cũng là đơn vị thực hiện công tác huấn luyện hoàn chỉnh và có kết quả tốt nhất trong lực lượng Công binh Miền.

Sau hơn nửa năm Hiệp định Paris được ký kết và có hiệu lực nhưng quân địch vẫn liên tục mở các cuộc tiến công càn quét lấn chiếm vùng giải phóng với quy mô ngày càng lớn. Tháng 7 năm 1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng ra nghị quyết về *“Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới”*. Tháng 10 năm 1973, Bộ Tư lệnh Miền ra mệnh lệnh cho các lực lượng vũ trang giải phóng: *“Kiên quyết đánh trả địch bất cứ ở đâu, bằng các hình thức và lực lượng thích đáng, buộc đối phương phải nghiêm chỉnh và triệt để thi hành*

Hiệp định Paris". Chấp hành Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng và mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Miền, các lực lượng vũ trang B2 đẩy mạnh tiến công, mở nhiều chiến dịch và trận đánh lớn. Các đơn vị công binh, một nửa tiếp tục nhiệm vụ xây dựng căn cứ cho Bộ Tư lệnh Miền, một nửa chuyển sang nhiệm vụ phục vụ chiến đấu.

Tháng 11 năm 1973, Tiểu đoàn 278, một đại đội của Tiểu đoàn vượt sông 741, cùng với Tiểu đoàn 27 tham gia bảo đảm chiến dịch Bù Bông - Kiến Đức. Đây là chiến dịch nhằm nối dài đường 559 đông Trường Sơn từ nam Tây Nguyên vào đến Lộc Ninh, để tăng cường nguồn hàng vào, chuẩn bị dự trữ lớn cho những đòn quyết định kết thúc chiến tranh, vì vậy việc tiêu diệt hai cụm cứ điểm kiên cố ở Bù Bông và Kiến Đức có ý nghĩa rất quan trọng.

Sau khi công binh hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm cho hai Trung đoàn 429 và 271 cùng 10 xe tăng vào vị trí tập kết, ngày 5 tháng 11, chiến dịch mở màn. Chỉ trong một ngày quân ta đã làm chủ yếu khu Bù Bông. Quân ngụy phản ứng quyết liệt, điều sư đoàn 22 (quân khu 2 ngụy) gồm 2 trung đoàn bộ binh và một trung đoàn xe tăng lên phản công chiếm lại. Mặc dù địch đông hơn và hoả lực mạnh hơn, nhưng do ta chủ động phục kích, nên đã đánh thiệt hại nặng sư đoàn 22 ngụy. Tuy vậy, Bộ chỉ huy chiến dịch, lúc này do đồng chí Hoàng Cầm làm Tư lệnh, nhận định: Nếu ta co về cố giữ Bù Bông, khó có thể giữ được, để giữ

được Bù Bông, phải tiến công Kiến Đức. Nhưng từ Bù Bông xuống Kiến Đức chỉ có đường 14 độc đạo mà sư đoàn 22 địch đã triển khai lực lượng chốt chặn. Vì vậy, Ban chỉ huy chiến dịch lệnh cho các tiểu đoàn công binh lợi dụng đường xe be (kéo gỗ) trong rừng, mở một con đường về phía tây, vòng xuống Kiến Đức để đưa bộ binh, xe tăng và pháo đánh từ bên sườn vào, mọi việc phải hoàn tất trong vòng 5 ngày. Để hoàn thành nhiệm vụ, mặc dù không nắm rõ địa hình, các đơn vị công binh dựa vào bản đồ để tác nghiệp, chỗ nào có đường cũ thì tận dụng đường cũ, chỗ nào chưa có thì cắt mở đường. Kết quả, chỉ sau 3 ngày công binh đã hoàn thành nhiệm vụ. Một đại đội xe tăng và 2 pháo 105mm được đưa vào Kiến Đức.

Nhưng khó khăn vẫn chưa hết, Trung đoàn đặc công 429 mặc dù đã chiếm được chi khu Kiến Đức, nhưng chưa hoàn toàn làm chủ được do căn cứ này được thiết kế nhiều hầm ngầm, khi thất thủ ở trên, địch rút xuống hầm ngầm chống cự, kết hợp kêu pháo bắn chụp và máy bay ném bom chi viện, gây cho ta nhiều tổn thất. Trước tình hình đó, nhận mệnh lệnh từ Ban chỉ huy chiến dịch, Tiểu đoàn 278 mở thêm một đường mới dài 2 ki-lô-mét từ Sở chỉ huy Tiền phương thọc ra nam Kiến Đức để đưa xe tăng vào chi viện, 5 giờ chiều cùng ngày con đường đã hoàn tất, xe tăng bắt đầu xuất kích, 3 chiếc xộc thẳng vào chi khu, 1 chiếc ủi sập cổng đánh thẳng vào sở chỉ huy, 2 chiếc khác bọc hai hướng tạo thành thế bao vây, sau

đó dùng pháo bắn trực tiếp vào hầm ngầm, địch không chịu nổi phải ra hàng. Chỉ trong vòng 10 ngày, quân ta đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt 2 căn cứ kiên cố của địch, giải phóng một vùng đất rộng lớn từ Đắc Song (Quảng Đức) nối liền tới tận căn cứ Tà Thiết của Bộ Tư lệnh Miền ở Lộc Ninh.

Năm 1974 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lực lượng công binh Miền, nằm trong ý đồ gấp rút tạo thế và lực để kết thúc chiến tranh trong 2 năm 1975 - 1976 của Quân ủy Trung ương.

Đầu năm 1974, Bộ Tư lệnh Công binh chuyển vào cho B2 Tiểu đoàn 98 xe máy. Ngày 8 tháng 3 năm 1974, tiểu đoàn hành quân từ Ba Vì (Hà Tây), ngày 1 tháng 5 năm 1974 vào đến làng 7 (Bình Phước) an toàn và đầy đủ, gồm: 1 đại đội xe vận tải chuyên dùng, 1 đại đội xe máy làm đường, 1 đại đội xe máy phục vụ, 1 trạm sửa chữa cấp trung đoàn, 1 trung đội thông tin (máy 15W), 55 xe cơ giới và 58 máy móc các loại. Ban chỉ huy tiểu đoàn gồm các đồng chí: Nguyễn Ngọc Lập, đại úy - Tiểu đoàn trưởng; Lê Chuyên, thượng úy - Tiểu đoàn phó; Lê Thái, đại úy - Chính trị viên tiểu đoàn. Đây là tiểu đoàn thứ tư tham gia vào đội hình Trung đoàn công binh 25 sau này. Sự có mặt của Tiểu đoàn 98 xe máy, tiểu đoàn công binh cơ giới đầu tiên ở B2, đã khiến cho sức mạnh hoạt động của Công binh Miền được nâng cao. Các loại máy xúc, máy ủi giảm bớt sức người ở nhiều công đoạn, tiết kiệm được nhiều thời gian.

2. Các Tiểu đoàn 739, 278, 741, 98 cùng công binh Miền trong đợt hoạt động mùa khô và Chiến dịch Hồ Chí Minh

Ngày 20-7-1974, Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền quyết định thành lập Quân đoàn 4, đánh dấu bước phát triển mới, mạnh mẽ của lực lượng vũ trang Miền. Để có lực lượng công binh có trình độ kỹ thuật cao, tương ứng với một đơn vị chủ lực cấp quân đoàn mới thành lập, từ tháng 4 năm 1974, Bộ Tư lệnh Miền đã thành lập Lữ đoàn công binh 25B. Lữ đoàn gồm các đơn vị công binh cầu đường giỏi: Tiểu đoàn 25 và Tiểu đoàn 276. Lực lượng công binh kỹ thuật gồm hai Đại đội 15 và 17, cũng được rút ra từ các đơn vị kỹ thuật mạnh là Tiểu đoàn 98 xe máy và Tiểu đoàn 741 cầu phà. Như vậy ngay sau khi vừa vào đến chiến trường, Tiểu đoàn 98 đã tiếp bước truyền thống của các Tiểu đoàn 739, 278, 741 làm nòng cốt xây dựng các đơn vị công binh mới của Miền.

Cùng với sự gia tăng nhảy vọt về quân số, khí tài, hoạt động của công binh cũng tiến lên một bước mới cả về số lượng và chất lượng. Khối lượng công việc tăng gấp 3 đến 4 lần năm 1973. Các mạng đường chiến lược và chiến dịch được triển khai một cách mạnh mẽ. Lực lượng công binh bảo đảm chia làm 2 tuyến phục vụ, một nửa ra phía trước bảo đảm chiến đấu cho các đơn vị, một nửa tiếp tục bảo đảm cầu đường phía sau. Tiểu đoàn 741 ra phía trước phục vụ

Trung đoàn 205 và Sư đoàn 5 trên hướng tây nam Sài Gòn. Tiểu đoàn 739, 278, 98 xây dựng các tuyến đường cơ động chiến lược, đường phục vụ các chiến dịch quan trọng và một số công trình phục vụ ở hậu cứ phía sau, cùng với các tiểu đoàn công binh cầu đường khác xây dựng nhiều công trình và tuyến đường quan trọng, như đường 17 từ ngã ba Nghi đi cầu Sài Gòn, trục lộ 10, 14B, 14C,... công trình Sở chỉ huy Quân đoàn 4, công trình nhà Trung ương Cục, Bệnh viện K71... Kết thúc năm 1974, Công binh Miền, trong đó có các Tiểu đoàn 739, 278, 741 và 98, đã hoàn thành một khối lượng lớn đường và bến vượt, đảm bảo cơ động cho các quân đoàn, sư đoàn, binh khí kỹ thuật nặng, góp phần quan trọng chuẩn bị bước vào chiến cuộc mùa khô 1974 - 1975.

Nửa cuối năm 1974, ngụy quyền Sài Gòn suy yếu toàn diện cả về quân sự, chính trị, kinh tế. Viện trợ của Mỹ cho ngụy ngày càng sút giảm do áp lực từ quốc hội Mỹ. Trên chiến trường, quân ngụy liên tục thất bại, bị động co về thế phòng thủ, vùng kiểm soát thu hẹp với tốc độ ngày càng nhanh. Trên chính trường, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu rơi vào thế bị cô lập, khủng hoảng. Trong khi đó lực lượng cách mạng đã chứng tỏ mạnh hơn hẳn địch. Cuối tháng 12 năm 1975, Bộ Chính trị họp hội nghị mở rộng chính thức thông qua kế hoạch giải phóng miền Nam của Quân ủy Trung ương.

Mùa khô 1974 - 1975, B2 đi trước một bước trong

kế hoạch Tổng tiến công năm 1975, bằng các chiến dịch lớn ở miền Đông Nam Bộ và hoạt động mở mang, mở vùng ở đồng bằng sông Cửu Long. Từ cuối năm 1974, bên cạnh việc tiếp tục xây cất các công trình và đường chiến lược, một số đơn vị công binh tham gia xây dựng mạng đường phục vụ chiến dịch đường 14 Phước Long, chiến dịch đầu tiên của Quân đoàn 4. Các đại đội của Tiểu đoàn 741 và một bộ phận của các Tiểu đoàn 739, 278 cùng các đơn vị bạn bảo đảm vượt ngầm ở Bến Bào, bến vượt Lộc Ninh, đường chiến dịch từ ngã ba Trà Thanh tới Phú Riềng, từ Gốc Rươi đi Trà Thanh, từ Bù Gia Mập đi Đắc Lấp, từ Buglu đi Phước An, Đắc Lấp, đường Bù Đăng - Sơơi... Đêm bước vào chiến dịch, trời đổ mưa lớn bất thường, nước các khe suối chảy tràn lên các mặt đường, những con đường đất đỏ trở nên trơn nhầy, lầy lội. Các chiến sĩ bộ binh và pháo mang vác có thể khắc phục bằng cách bỏ dép đi chân đất, nhưng các xe kéo pháo thì sa lầy ở đoạn xuống ngầm sông Đắc Lấp, các chiến sĩ công binh phải khắc phục vất vả suốt đêm mới đưa được 3 khẩu pháo sang bờ nam sông.

Mặc dù phải hoãn thời gian nổ súng lại một ngày và yếu tố bất ngờ cũng không còn, nhưng sau 3 ngày chiến đấu quyết liệt, ngày 16-12, quân ta đã làm chủ chi khu Bù Đăng. Ngày 26-12, ta phát triển tiến công tiếp tục chiếm chi khu Đồng Xoài. Đến ngày 6-1-1975, chiếm toàn bộ thị xã Phước Long. Lần đầu tiên một tỉnh của miền Nam hoàn toàn giải phóng. Quân

ngụy tìm cách phản kích chiếm lại, nhưng lực bất tòng tâm. Chính quyền Mỹ cũng không dám can thiệp. Chiến dịch Phước Long trở thành “đòn trình sát chiến lược” để Trung ương Đảng đánh giá địch - ta một cách đầy đủ hơn và bổ sung thêm quyết tâm vào kế hoạch chiến lược.

Kế hoạch giải phóng miền Nam dự kiến trong hai năm 1975 - 1976, nhưng tình hình đã thay đổi nhanh chóng. Sau khi Quân Giải phóng chiếm được Buôn Ma Thuột (12-3-1975), quân đoàn 2 - quân khu 2 của ngụy tháo chạy khỏi Tây Nguyên, bị ta truy kích tiêu diệt và làm tan rã. Trước diễn biến trên, quân khu 1 của ngụy hoang mang, rung động. Chớp thời cơ, Quân Giải phóng tiến công giải phóng toàn bộ các tỉnh miền Trung từ Quảng Trị đến Bình Thuận. Ở Quân khu 6 và miền Đông Nam Bộ, sau chiến thắng Phước Long, lực lượng vũ trang cách mạng tiếp tục giải phóng các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức, Bình Long và từng mảng lớn các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh, Bà Rịa, Long An. Giờ phút tiến công giải phóng Sài Gòn, kết thúc chiến tranh đã đến. Từ miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên, ba quân đoàn cách mạng nhanh chóng tiến về Sài Gòn với sức mạnh không thể ngăn cản được.

Ngày 7 và 8-4-1975, Trung ương Cục, Quân ủy Miền họp cùng các đồng chí đại diện Trung ương Đảng và Bộ Tổng tham mưu bàn việc thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng về giải phóng Sài Gòn và

thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch (ngày 14 tháng 4 năm 1975 được mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh).

Do tích cực chuẩn bị từ trước mùa khô 1974 - 1975, nên hệ thống đường chiến dịch đã được Công binh Miền đảm bảo phần lớn, nối liền với tuyến vận tải chiến lược thành một mạng liên hoàn, tạo điều kiện cho quân chủ lực có thể chủ động tiến công địch từ bất cứ hướng nào ở miền Đông Nam Bộ. Sau tháng 3-1975, Công binh Miền có thêm lực lượng lớn công binh các quân đoàn bạn vào kết hợp bảo đảm cho các cánh mũi chiến dịch, nên tuy phải vận chuyển nhanh một số lượng bộ đội và một khối lượng vật chất hết sức lớn, các đơn vị công binh đều đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chỉ có một hướng gặp khó khăn, đó là hướng tây nam Sài Gòn. Đây là một vùng có nhiều sông rạch chằng chịt, nhiều bưng sinh trống trãi, rất khó vận chuyển binh khí kỹ thuật nặng. Nhưng chính vì vậy, nếu khắc phục được, đây sẽ là một hướng tiến công bất ngờ, hiểm yếu. Bên cạnh đó, hướng tiến công này còn có nhiệm vụ cắt đứt Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long, khiến cho quân ngụy không thể co cụm về quân khu 4 ngụy, nhằm kết thúc nhanh chóng chiến dịch. Vì vậy, Công binh Miền được lệnh phải thực hiện bằng được việc bảo đảm cho Đoàn 232 (tương đương quân đoàn) tiến công từ hướng tây nam. Ban đầu, Bộ Tư lệnh Miền định mở hướng chiến dịch từ Long Khốt xuống Mộc Hóa, Cai Lậy, Mỹ Tho. Nhưng đường tiến như vậy quá dài, chia cắt quá xa

phía tây và nam Sài Gòn, nên sau đó Bộ chỉ huy chiến dịch lệnh cho các Tiểu đoàn 278, 741, cùng với Tiểu đoàn 280 và công binh các đơn vị thuộc cánh quân Tây Nam, phải mở một con đường ngắn nhất, thực hiện chia cắt tại Thủ Thừa, đột kích qua Lộc Giang, Hậu Nghĩa vào Sài Gòn.

Từ giữa tháng 2-1974, Tiểu đoàn 278 đã được điều về phục vụ cho Đoàn 232 hoạt động ở Bến cầu, Trà Cao, Đức Huệ, mở rộng hành lang biên giới phía Tây Ninh - Hậu Nghĩa. Tiểu đoàn đã tu sửa, mở rộng đoạn đường từ Lò Gò dọc theo biên giới xuống Bến Cầu, bảo đảm bến vượt ở Lò Cỏ (sông Vàm Cỏ Đông), chuẩn bị đường từ Chi Phú tới Long Khốt, đưa pháo 85mm vào tấn công Đức Huệ. Sau đó tiếp tục hoàn thành đoạn đường thoát bến phía đông sông Sài Gòn nối ra lộ 10. Cuối tháng 2-1975, hướng Đoàn 232 được tăng cường thêm Tiểu đoàn cầu phà 741¹. Tiểu đoàn phụ trách mở đường từ Đức Huệ về bến An Ninh phía tây sông Vàm cỏ Đông. Đưa pháo và thiết giáp vượt địa hình sinh lầy, sông rạch chằng chịt ở hướng này là điều chưa từng có. Nhưng công binh cánh tây nam được lệnh phải làm bằng được. Trong điều kiện khí tài vượt sông rất thiếu, công binh phải dùng phương pháp “sâu đo” để đưa được hết binh khí qua sông. Các khẩu pháo phải tháo rời ra, bỏ lên các thuyền nhỏ rồi

¹ Đến tháng 4-1975, Đoàn 232 được bổ sung thêm một số sư đoàn và trung đoàn, thành cánh quân Tây Nam trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

vừa kéo vừa đẩy bằng sức người (khi ở các rạch nhỏ, nước cạn) hoặc bằng sức máy (khi đã đến sông Vàm Cỏ). Đến bến, các bộ phận pháo lại được đưa lên phà ghép lại và công binh kéo pháo vào bến. Khó khăn nhất là bảo đảm bến vượt An Ninh. Địa hình ở đây sinh lầy, lại ngay sát nách địch. Để khắc phục địa hình, công binh đã chặt rất nhiều tràm và tre xếp dày mặt đường để chống lầy trên đường lên xuống bến, đồng thời phải đo đạc rất kỹ để mở một lối vòng từ Giồng Răng đến Quéo Ba, men theo những xóm dân có địa hình tương đối cao.

Đến trước ngày 26-4-1975, các đơn vị công binh hướng tây nam đã đưa được hơn 30 xe (T54, M41, M113) và gần 50 khẩu pháo các loại (từ 37mm đến 130mm) qua sông Vàm Cỏ Đông.

Ngày 26-4-1975, khi Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu, cùng với các quân đoàn khác, cánh quân Tây Nam đã sẵn sàng phần lớn lực lượng. Ngày 27 tháng 4 năm 1975, cánh quân Tây Nam đã hoàn thành việc cắt đứt lộ 4 từ Bến Lức đi Long An, khiến quân ngụy không còn đường co cụm về đồng bằng sông Cửu Long.

Ngày 29-4-1975, cánh quân Tây Nam chiếm tỉnh Hậu Nghĩa, tiến qua Đức Hòa, Kênh Xáng, đường 10 và cầu Bà Hom (Phú Lâm), hướng tới mục tiêu Biệt khu thủ đô ngụy.

5 giờ sáng 30-4-1975, các quân đoàn đồng loạt

tiến vào nội đô Sài Gòn. 11 giờ 30 phút cờ cách mạng phấp phới bay trên nóc Dinh Độc Lập của tổng thống ngụy quyền Sài Gòn. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã kết thúc thắng lợi.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, theo quyết định của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, chiến trường B2 trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ được tổ chức lại theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Tháng 1-1976, Bộ Tư lệnh Miền kết thúc nhiệm vụ. Các cơ quan và đơn vị của B2, trước đây trực thuộc sự chỉ huy của Bộ Tư lệnh Miền, lần lượt được phân bổ về Quân khu 7, Quân khu 9 và được tổ chức sắp xếp lại. Ngày 6 tháng 4 năm 1976, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 quyết định thành lập Trung đoàn công binh 25, gồm các Tiểu đoàn 741, Tiểu đoàn 98, Tiểu đoàn 278 và Tiểu đoàn 739. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ các tiểu đoàn công binh mạnh của chủ lực Miền đều là những tiểu đoàn mạnh, đã dạn dày chiến trận, từng đóng góp quan trọng vào thắng lợi của nhiều chiến dịch và trận đánh lớn trên chiến trường miền Đông Nam Bộ.

*

Nhìn lại chặng đường đã qua, từ tháng 7 năm 1967 đến tháng 4 năm 1975, là thời kỳ các Tiểu đoàn 739, 278, 741 và 98, những đơn vị thành viên của Trung đoàn 25 sau này, lần lượt được đưa vào chiến đấu ở chiến trường B2. đều được đào tạo huấn luyện

chính quy ở hậu phương, nên khi vào đến chiến trường, các tiểu đoàn đều trở thành những đơn vị nòng cốt của Công binh Miền, là các đơn vị bảo đảm cầu đường, phà tốt cho các đơn vị, các trận đánh, các chiến dịch lớn. Không phải ngẫu nhiên, mỗi khi chuẩn bị bước vào một chiến dịch lớn, hoặc trong tình hình phát triển chiến dịch có khó khăn, một tiểu đoàn lại được điều vào. Tiểu đoàn 739 vào tháng 7 năm 1967 chuẩn bị cho Tổng tiến công Tết Mậu Thân, Tiểu đoàn 278, vào tháng 11-1970, tham gia chiến dịch phản công đông bắc Campuchia đánh bại cuộc hành quân "Toàn thắng 1-71" của Mỹ - ngụy. Tiểu đoàn 741 vào tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ, tháng 4 năm 1972, Tiểu đoàn 98, vào tháng 3 năm 1974, chuẩn bị cho đánh lớn mùa khô 1974 - 1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh. Trong số 4 tiểu đoàn công binh của Trung đoàn 25, chỉ có Tiểu đoàn 98 xe máy vào Nam an toàn với đầy đủ binh khí kỹ thuật, còn các đơn vị khác đều bị tổn thất khá nhiều quân số, phương tiện dọc đường hành quân, hoặc không đủ trang bị. Tuy vậy, khi vào B2, với tinh thần chịu đựng gian khổ, vượt khó, tự lực, sáng tạo, các đơn vị đều trở thành các tiểu đoàn công binh giỏi, luôn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cả trong những tình huống khó khăn nguy hiểm nhất.

Không chỉ làm tốt công tác bảo đảm chiến đấu, các Tiểu đoàn 739, 278, 741 và 98, do đã được huấn luyện tốt từ miền Bắc, còn là nòng cốt để phát triển

lực lượng công binh Miền, xây dựng thêm nhiều đơn vị mới cho lực lượng vũ trang B2. Đây cũng là một truyền thống tốt đẹp của các tiểu đoàn, đặc biệt là Tiểu đoàn 739.

Trong chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam có phần đóng góp xứng đáng của các tiểu đoàn công binh. Trong trang sử vàng của Binh chủng Công binh, các Tiểu đoàn 739, 278, 741 và 98, những đơn vị tiền thân của Trung đoàn 25 công binh đã giữ gìn và phát huy tốt truyền thống Công binh Việt Nam *“Mở đường thắng lợi”*.

Chương một

THÀNH LẬP TRUNG ĐOÀN CÔNG BINH 25 QUÂN KHU 7, THAM GIA CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TỔ QUỐC TRÊN BIÊN GIỚI TÂY NAM (4.1976 - 1.1979)

I. TRUNG ĐOÀN CÔNG BINH 25 QUÂN KHU 7 RA ĐỜI VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU GIẢI PHÓNG

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - cuộc hội quân có một không hai trong sự nghiệp giữ nước của dân tộc, đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng trên mười ngàn ngày đêm của dân tộc.

Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Lực lượng vũ trang nhân dân từ nhiệm vụ chiến đấu là trọng tâm trước đây, nay vừa phải làm tốt nhiệm vụ tham gia cuộc đấu tranh toàn diện và phát triển kinh tế để xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng vũ trang giữ vai trò

nòng cốt và là công cụ đắc lực của Đảng trong thực hiện chuyên chính vô sản¹.

Trong bối cảnh lịch sử mới, lực lượng vũ trang Quân khu 7 được tổ chức, xây dựng theo hướng tập trung giải quyết những tồn tại sau chiến tranh, chấn chỉnh lực lượng để nhanh chóng ổn định tổ chức, biên chế; kiên quyết từng bước đưa hoạt động của các lực lượng vũ trang dần đi vào nền nếp xây dựng, quản lý chính quy, bảo đảm có tổ chức cơ quan mạnh, đồng bộ, có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị theo phương châm xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu gọn, tinh, mạnh, thống nhất về tổ chức biên chế, trang bị có quân số và tổ chức hợp lý.

Sau gần một năm thực hiện nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, các lực lượng vũ trang Quân khu đã thực hành quản huấn, quản giáo binh sĩ quân đội và nhân viên chính quyền Sài Gòn, vừa tiến hành truy quét, trấn áp các thế lực phản cách mạng, bảo vệ những mục tiêu chiến lược, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Vừa triển khai tốt công tác rà phá bom mìn giải phóng đất đai, phục hồi sản xuất và thu hồi chất độc, bom mìn tồn lưu trong chiến tranh.

Phát huy truyền thống “Mở đường thắng lợi” của Binh chủng Công binh Việt Nam anh hùng, bộ đội công binh Quân Giải phóng miền Nam tiếp tục bảo

¹ Nghị quyết Quân ủy Trung ương tháng 5-1975.

đảm giao thông thông suốt, phục vụ cho các lực lượng vũ trang giải phóng thực hiện những nhiệm vụ cấp bách trước mắt như: *Tiếp quản các cơ sở công binh của quân đội Sài Gòn, truy quét tàn quân địch, tập trung cải tạo binh sĩ quân đội Sài Gòn, lập lại trật tự xã bước đầu ổn định đời sống nhân dân và củng cố chính quyền cách mạng các cấp.*

Về cơ cấu tổ chức lâm thời Quân khu 7 trong lúc giao thời từ chiến tranh sang hòa bình, được triển khai theo tinh thần Nghị quyết Quân ủy Trung ương và Quyết định số 04/CP-QĐ của Chính phủ, (ngày 2 tháng 7 năm 1975), là *tổ chức quân sự theo lãnh thổ trên một vùng chiến lược nhằm giải quyết những tồn đọng của Bộ Tư lệnh Miền để lại, vừa thực hiện chức năng của đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân lao động sản xuất.*

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 24, Nghị quyết Bộ Chính trị về nhiệm vụ quân đội, Nghị quyết 16/QĐ-75, (ngày 20 tháng 9 năm 1975) của Trung ương Cục miền Nam về việc giải thể khu, sáp nhập tỉnh, tháng 11 năm 1975, Bộ Quốc phòng quyết định: *“Thành lập và hợp nhất một số tỉnh đội, huyện đội phía Nam thành Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Quân khu 5, 7, 9 theo đơn vị hành chính mới”¹.*

¹ 60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam, Nxb QĐND, Hà Nội, 2004, tr.367-368.

Tính đến thời điểm ngày 31-5-1975, tổ chức quân số của Bộ Tư lệnh Binh chủng Công binh Quân Giải phóng miền Nam gồm 6 tiểu đoàn và 1 đại đội, với quân số 1.542 người; lực lượng bảo đảm có 3 đại đội, (quân số 329 người); lực lượng phục vụ có quân số 501 người; cơ quan Bộ Tư lệnh Công binh có quân số 323.

Tổng quân số lực lượng công binh Quân Giải phóng miền Nam (công binh Miền) có 2.802 người. Trong đó có 405 sĩ quan, 2.397 hạ sĩ quan, chiến sĩ.¹ Trong số 6 tiểu đoàn công binh có 4 tiểu đoàn công trình (d278, d280, d739, d743), 1 tiểu đoàn xe máy (d98), 1 tiểu đoàn vượt sông (d741) và 1 đại đội công trình (d9).

Đứng chân trên địa bàn chiến lược trọng yếu của đất nước, các lực lượng vũ trang Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ sau chiến tranh có 5 nhiệm vụ cơ bản. Một trong 5 nhiệm vụ cơ bản đó là *chuyển thể tổ chức, biên chế các cơ quan, đơn vị, binh chủng Quân Giải phóng miền Nam thành binh chủng cấp Quân khu* Đoàn 75 (pháo binh), Đoàn 77 (phòng không), Đoàn 26 (tăng - thiết giáp), Đoàn 27 (đặc công), Đoàn 23 (thông tin liên lạc) và Đoàn 25 (công binh), đều được chuyển thể thành các phòng (cơ quan chủ nhiệm)

¹ Tài liệu TK.5585 - Tổ chức quân số toàn Miền (ngày 31-5-1975) của Phòng Quân lực B2. Trong số 2.397 hạ sĩ quan, chiến sĩ, có 17 nữ. Ngoài quân số thực của lực lượng công binh Miền còn có 18 trẻ em.

và trung đoàn binh chủng kỹ thuật hay bảo đảm cấp Quân khu. Nhằm đáp ứng được những yêu cầu bức bách của nhiệm vụ chính trị mới.

Sau khi giải thể cơ quan Trung ương Cục miền Nam và Bộ Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam (Bộ Tư lệnh Miền), cùng với Quân khu 5 và Quân khu 9, Quân khu 7 kiện toàn một cách toàn diện, bao gồm địa bàn các tỉnh Đồng Nai, Sông Bé, Tây Ninh, Vũng Tàu - Côn Đảo. Thành đội Sài Gòn - Gia Định được tổ chức thành Bộ Tư lệnh thành phố Sài Gòn - Gia Định, (từ ngày 2-7-1976, đổi thành Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh), tổ chức tương đương cấp Quân khu. Trực thuộc Quân khu có 4 cơ quan cấp cục: Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Cục xây dựng kinh tế và các trung đoàn binh chủng trực thuộc Bộ Tư lệnh.

Như bao quốc gia từng trải qua chiến tranh, việc thu hồi, kiểm kê trang thiết bị chiến trường, tháo gỡ bom mìn vật nổ là một trong những công tác quan trọng phải triển khai càng sớm càng bớt đổ mồ hôi, xương máu. Theo quan điểm đó, 6 tháng đầu năm 1976, Quân khu đã triển khai chiến dịch thu hồi, tổng kiểm kê thiết bị được 5.000 tấn. Nhập kho Tổng cục Kỹ thuật được 1.300 tấn. Qua tính toán lượng đạn dự trữ, Quân khu đề nghị nhập số dư là 12.000 tấn đạn và làm kế hoạch nhập bổ sung cho cả năm 1976.

Việc thu hồi các loại xe ô tô chiến trường B2,

tính đến tháng 12-1975, được 15.229 xe các loại. Sau đó chuyển giao cho Quân đoàn 4 cùng hai Quân khu 5 và 9, tổng cộng 8.322 xe, giao cho Tổng cục Kỹ thuật 3.629 xe, còn lại Quân khu quản lý 3. 283 xe, (dự kiến sẽ đưa vào dự trữ khoảng một phần ba số xe trên, tương ứng với trên 1.090 xe).

Nhằm đáp ứng yêu cầu khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định sản xuất, cũng như đời sống nhân dân trên địa bàn Quân khu đảm trách, ngày 6 tháng 4 năm 1976, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 quyết định rút gọn các đơn vị công binh Miền, tổ chức thành *Phòng Công binh thuộc Bộ Tham mưu Quân khu*¹ và *Trung đoàn công binh 25 trực thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu*. Tháng 8 năm 1976, Trung đoàn công binh 25 chính thức ổn định bước đầu về mặt tổ chức, trong điều kiện trung đoàn đang phải đóng phân tán ở 5 địa điểm cách xa nhau:

Tiểu đoàn 741 vượt sông đứng chân ở phía đông cầu sông Đồng Nai.

Tiểu đoàn 98 xe máy đứng chân ở ngoại ô thị xã Thủ Dầu Một.

Tiểu đoàn 278 công trình đứng chân tại căn cứ Hốc Bà Thước (tỉnh Đồng Nai).

¹ Quyết định số 81/QĐ9-76, (ngày 6-4-1976) của Bộ Tư lệnh Quân khu 7, do Thiếu tướng Đồng Văn Cống - Phó Tư lệnh Quân khu ký (tài liệu lưu trữ tại Phòng Quân lực Quân khu 7).

Tiểu đoàn 739 công trình đứng chân tại sông Nhạn, huyện Long Khánh (tỉnh Đồng Nai). Đây là tiểu đoàn đã lập nhiều chiến công trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. (Trước đó, vào ngày 15 tháng 1 năm 1976, tiểu đoàn đã được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa phong tặng danh hiệu *Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*).

Trung đoàn bộ Trung đoàn công binh 25 lúc đầu đóng ở trại Đào Duy Từ, 4 tháng sau chuyển xuống tây cầu Đồng Nai.

Tổng quân số trung đoàn lúc mới chuyển thể từ công binh Quân Giải phóng miền Nam sang bộ đội công binh Quân khu 7 có khoảng trên 1.350 người. Trung đoàn do Thiếu tá Nguyễn Thanh Tùng làm Trung đoàn trưởng; Chính ủy là Thiếu tá Đàm Huy Khúc; Trung đoàn phó Tham mưu trưởng là Đại úy Lê Chí Thân.

Nhìn vào đội hình Trung đoàn công binh 25 Quân khu 7, cho thấy một thực tế: *Trung đoàn được xây dựng trên cơ sở các đơn vị thiện chiến nhất của công binh Quân Giải phóng miền Nam, đã lập bao chiến công oanh liệt*. Truyền thống đó là sức mạnh, điểm tựa phát triển của đơn vị.

Với cơ cấu tổ chức trên, Trung đoàn có những thuận lợi cơ bản như đơn vị được thành lập trong khung cảnh hòa bình mới được lập lại, không còn mức độ gian khổ ác liệt như trong chiến tranh. Các đơn vị

trực thuộc, cũng như cán bộ, chiến sĩ có truyền thống, kinh nghiệm chiến đấu. Nội bộ đơn vị đoàn kết, thống nhất cao, đã tạo cơ sở xây dựng sức mạnh của đơn vị. Đó là sức mạnh bảo đảm, đưa Trung đoàn lên vị trí của một trong những đơn vị binh chủng mạnh, thiện chiến của bộ đội công binh miền Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, Trung đoàn còn gặp nhiều khó khăn, tác động trực tiếp đến quá trình xây dựng của đơn vị.

Khó khăn trước hết là đơn vị luôn đóng quân phân tán: Tiểu đoàn 739 phải chia quân ra đứng chân ở mãi Sông Nhạn (Long Khánh). Ngay Trung đoàn cũng chưa có căn cứ ổn định, phải đóng quân nhờ ở căn cứ Đoàn 476, (tại số 557 Nguyễn Tri Phương, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh). Trong vòng 2 tháng (từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1976), Trung đoàn liên tục phải di chuyển căn cứ; còn các tiểu đoàn đều đóng quân trên khắp các địa bàn của Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai, Sông Bé. Thậm chí Tiểu đoàn 741 phải nhường nhà ở của tiểu đoàn (chỉ là một căn nhà trệt) cho Trung đoàn làm sở chỉ huy. Tiểu đoàn 98 thì đóng quân nhờ nhà dân ven thị xã Thủ Dầu Một, sau chuyển về sông Nhạn (thuộc huyện Thống Nhất tỉnh Đồng Nai) làm nhiệm vụ tăng gia sản xuất.

Cuộc chiến tranh giải phóng (1945 - 1975) tuy đã kết thúc, nhưng không vì thế mà người lính công binh bớt gian nan, vất vả. Ngược lại, sự vất vả, gian khổ sau chiến tranh lại mang một sắc thái, cường độ cao

hơn. Thậm chí những điều kiện tối thiểu để sống ổn định trung đoàn như doanh trại cũng chưa có. Đơn vị đóng quân rất phân tán (4 tiểu đoàn và trung đoàn bộ đóng quân ở 5 địa điểm cách xa nhau, có đơn vị ở thượng nguồn, lại có đơn vị ở hạ lưu sông Đồng Nai). Do đó, đời sống sinh hoạt của bộ đội rất thiếu thốn. Cả Trung đoàn chỉ có 1 chiếc tivi trắng đen; ăn uống kham khổ, chủ yếu phải dựa vào tự tăng gia sản xuất. Vì các cơ sở vật chất hậu cần, doanh cụ, dụng cụ hầu như không có gì. Trang bị kỹ thuật đã phải qua hoạt động trong chiến tranh, nay đã cũ nát, hư hỏng và quá hạn sử dụng. Mặt khác, về tư tưởng bộ đội sau cuộc chiến đều có nhu cầu chính đáng muốn nghỉ ngơi và trở về sum họp với gia đình. Cộng với thời điểm đó, Nhà nước có chủ trương giải quyết nguyện vọng của bộ đội, giải quyết cho ra quân ô ạt, dẫn đến tình trạng thiếu cán bộ kéo dài, v.v...

Đứng trước tình trạng trên, Đảng ủy - chỉ huy Trung đoàn 25 tập trung vào tháo gỡ, giải quyết những khó khăn hàng đầu như: Nhanh chóng ổn định tư tưởng cán bộ, chiến sĩ, kiện toàn tổ chức biên chế đơn vị; xây dựng doanh trại của Trung đoàn. Theo đó, Tiểu đoàn 98 chuyển căn cứ từ Bình Dương về tây nam cầu Đồng Nai. Tiểu đoàn 739 chuyển từ Cát Lái (đông nam Sài Gòn) về Sông Nhạn (Long Khánh, Đồng Nai) để làm nhiệm vụ tăng gia sản xuất tự túc. Sau đó lại di chuyển từ Sông Nhạn về tây cầu Đồng Nai. Cơ quan Trung đoàn bộ chuyển từ căn cứ Đào

Duy Từ (đường Nguyễn Tri Phương, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh) xuống tây cầu Đồng Nai, rồi chuyển tiếp sang đông cầu để cho Tiểu đoàn 741 chuyển về vị trí Trung đoàn bộ ở tây cầu Đồng Nai.

Sau khi ổn định doanh trại tại các căn cứ mới, Trung đoàn nhanh chóng triển khai công tác huấn luyện đơn vị, tập huấn cho cán bộ, đào tạo ngay đội ngũ cán bộ cấp tiểu đội để có thể khắc phục tình trạng thiếu cán bộ đơn vị cơ sở của trung đoàn. Đồng thời đẩy mạnh tăng gia sản xuất tự túc lương thực, thực phẩm và thực hiện các nhiệm vụ do Quân khu giao.

Đây là thời kỳ khó khăn nhất của trung đoàn. Tiểu đoàn 739 và Tiểu đoàn 278 ở Cát Lái đồng thời cùng được lệnh chuyển về sông Nhạn, dựng lán trại để ở và làm nhiệm vụ tăng gia tự túc. Nhiệm vụ mới được giao là lao động sản xuất mà không có phương tiện, trâu bò, chủ yếu phải dùng sức người là chính. Trong lúc bữa ăn hàng ngày của cán bộ, chiến sĩ rất đạm bạc, khắc khổ chỉ có bo bo, rau và mắm. Nhiệm vụ của Trung đoàn lại rất nặng nề, vừa phải ổn định căn cứ, ổn định tổ chức đơn vị, xây dựng lực lượng, đồng thời tham gia xây dựng chốt biên giới ở Trà Cao, Gò Dầu, Chà Rì, Tân Biên (Tây Ninh). Đặc biệt, Trung đoàn được giao nhiệm vụ giải tỏa tuyến đường dây cao thế từ Đa Nhím về Sài Gòn dài 300 ki-lô-mét với 729 trụ điện; cùng với công binh trong Quân khu gỡ khoảng 25.000 trái mìn các loại, đảm bảo an toàn cho dòng điện Đa Nhím thắp sáng Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh. Đây là nhiệm vụ quan trọng, đầy khó khăn thử thách. Do đó, Thượng tướng Trần Văn Trà - Tư lệnh Quân khu 7 đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho Trung đoàn trưởng Nguyễn Thanh Tùng. Đơn vị đảm nhiệm công tác giải tỏa mìn cho đường dây cao thế Đa Nhím - Sài Gòn là Đại đội 8 của Tiểu đoàn công trình 278. Nhiệm vụ đặt ra cho Đại đội 8 là trong một thời gian phải giải tỏa mìn cho 400 trụ điện; mỗi trụ điện dịch gài từ 3 đến 4 lớp mìn, với bán kính rộng trên 10 mét vuông. Dịch gài xung quanh mỗi trụ điện lớp mìn nọ chồng lên lớp mìn kia dày đặc, nên trong quá trình dò gỡ mìn rất nguy hiểm. Trước thách thức nghiệt ngã ấy, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 8 đã dám chấp nhận hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ với cái giá: Một Đại đội phó hy sinh, một chiến sĩ bị thương cụt chân. Như vậy, cái giá phải trả cho dòng điện thấp sáng thành phố Sài Gòn và vùng phụ cận Bình Dương, khu công nghiệp Biên Hòa phải trả bằng sinh mạng và máu của cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 25 và công binh Quân khu 7.

Triển khai việc tháo gỡ bom mìn, vật nổ sau chiến tranh, lực lượng công binh Quân khu đã tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật phá gỡ các loại bom mìn cho các đơn vị và địa phương. Nhờ đó, 6 tháng đầu năm 1976, lực lượng công binh Quân khu đã gỡ được 93.000 trái bom mìn các loại, giải phóng 600 héc-ta đất để dân bắt tay vào sản xuất, làm thủy lợi, vừa giải tỏa một số khu vực quân sự quan trọng cùng các

tuyến đường sắt, đường bộ trên địa bàn Quân khu. Đã có 48 cán bộ, chiến sĩ công binh bị thương vong trong quá trình thực thi nhiệm vụ tháo gỡ bom mìn. So với lượng bom mìn địch gài lại, ước tính khoảng 250.000 quả, thì số bom mìn còn nằm sâu trong lòng đất quả là con số đáng ngại, đòi hỏi một sự đầu tư lớn một cách kịp thời, đúng mức. Trong những ngày gian khổ, thiếu thốn sau chiến tranh, bản lĩnh ngoan cường của những chiến sĩ công binh miền Đông thêm một lần được thử thách, tôi luyện và tỏa sáng. Chiến tranh đã kết thúc nhưng cái chết vẫn đang lẩn quất, rập rình. Tử thần lặng lẽ ẩn mình, biến dạng trong những trái bom mìn lạnh lẽo. Đất chết là nỗi đau lớn nhất của người dân. Chiến tranh thực sự đã kết thúc mà người dân vẫn chưa trở về quê cũ được. Nơi ấy đã bao đời kế tiếp, họ sinh con đẻ cái, lam lũ làm ăn và có cả phần mộ tổ tiên. Những chiến sĩ công binh gỡ mìn, trong đó phần lớn là lính Trung đoàn công binh 25, đều thấu hiểu nỗi đau của người dân và họ bình tĩnh chấp nhận thử thách hy sinh, với suy nghĩ rằng cuộc chiến chưa kết thúc. Các nhà báo, nhà văn, nhiếp ảnh, lịch sử có thể gặp họ ở Sài Gòn, Biên Hòa, hay Vũng Tàu, Sông Bé, Long An, Tây Ninh... Nơi họ đến là những vùng “đất chết” do bom mìn, vật nổ kẻ thù gài lại trước cuộc tàn của chiến tranh. Những người lính công binh gan góc đối mặt với tử thần, sau mũi cuộc của họ, đất nở hoa, kết trái, xóm làng, thôn ấp hồi sinh.

II. THAM GIA CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TỔ QUỐC TRÊN BIÊN GIỚI TÂY NAM

Sau khi kết thúc chiến tranh, các lực lượng vũ trang Quân khu 7 nói chung và công binh nói riêng đang đứng trước nhiệm vụ chính trị rất nặng nề, phức tạp: *phải triển khai thực hiện cùng lúc nhiều công tác lớn trên một diện rộng, trong điều kiện hết sức khó khăn, phức tạp trong cùng một thời điểm mà nguy cơ một cuộc chiến tranh mới đang hình thành, thêm vào đó cơ sở chính trị ở các địa phương thuộc địa bàn Quân khu còn yếu; thế trận chiến tranh nhân dân trong giai đoạn mới chưa được xây dựng toàn diện; kế hoạch phòng thủ cơ bản, lâu dài của Quân khu chưa được triển khai, trận tuyến biên giới thuộc địa bàn Quân khu đảm nhận nhiều nơi gần như còn bỏ ngỏ và giữa lúc miền Đông cùng cả nước đang phải trải qua thời kỳ thiếu đói lương thực trầm trọng.*

Ngày 30-4-1977, tròn 2 năm sau ngày giải phóng, chính quyền Pôn Pốt - Iêngxari bất ngờ mở cuộc tiến công cấp sư đoàn trên toàn tuyến biên giới tỉnh An Giang (thuộc miền Tây Nam Bộ), sát hại trên 1.000 đồng bào, đốt phá nhiều nhà cửa, trường học, bệnh viện, cướp đoạt tài sản của nhân dân. Trên địa bàn Quân khu 7, quân Pôn Pốt đã hai lần ngang nhiên tiến công vào Đồn công an biên phòng số 7 và số 8 của ta, tiến hành 171 vụ xâm lấn, vi phạm chủ quyền Việt Nam trên tuyến biên giới thuộc địa bàn Quân khu 7 (năm 1976).

Đứng trước tình thế nghiêm trọng này, ngày 12-5-1977, Thường vụ Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 ra Chỉ thị số 21, giao nhiệm vụ cho các lực lượng vũ trang Quân khu: “...bất cứ tình huống nào, lực lượng vũ trang Quân khu cũng phải sẵn sàng chiến đấu, khẩn trương hoàn thành mọi công tác chuẩn bị, bảo vệ toàn vẹn biên giới trong toàn Quân khu, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, các cơ sở sản xuất, các kho tàng ở biên giới, tránh được tổn thất, thiệt hại cho dân và các lực lượng vũ trang của ta, không để bị bất ngờ bị động đối phó lúng túng...”¹. Triển khai Chỉ thị 21, Quân khu xây dựng khẩn trương kế hoạch phòng thủ biên giới theo phương án:

Một là, dùng lực lượng theo địa phương phòng thủ chiến đấu tại chỗ, bảo vệ nhân dân. (Theo phương án này, các công trình chiến đấu cũ ở địa bàn tỉnh Sông Bé được công binh khẩn trương khôi phục, sửa chữa, để sử dụng vào việc phòng thủ như các hầm chỉ huy, hầm chiến đấu hay hầm trú ẩn. Về xây mới các công trình phòng thủ biên giới, chỉ tính riêng từ tháng 6 đến tháng 8-1977, Trung đoàn 25 đã sử dụng Tiểu đoàn 278 xây dựng chốt Trà Cao, Tiểu đoàn 739 xây dựng chốt Chà Rì.

Hai là, sử dụng lực lượng chủ lực Quân khu kết hợp với lực lượng địa phương và lực lượng cấp trên

¹ 50 năm lực lượng vũ trang Quân khu 7 (1945 - 1975), Nxb. QĐND, Hà Nội, 1995, trang 176.

đánh vừa, đánh lớn, tiêu diệt địch. Thực tế Quân khu đã chọn kết hợp cả hai phương án để phòng thủ trong thế bị bất ngờ cả về thời gian và quy mô tiến công của kẻ thù. Chỉ sau sự kiện An Giang chưa đầy 4 tháng, đêm 20 rạng ngày 21-8-1977, Khơme đỏ tiến công vào tuyến biên giới Mộc Hóa của tỉnh Long An, nhưng đã bị quân dân Long An kiên cường đánh trả.

Tiếp đến 0 giờ 30 phút sáng ngày 25-9-1977, Khơme đỏ sử dụng 4 sư đoàn chủ lực cùng 7 tiểu đoàn địa phương, đồng loạt tiến công sâu vào các chốt biên giới của ta 9 ki-lô-mét, thuộc địa bàn ba huyện Tân Biên, Bến Cầu, Châu Thành (tỉnh Tây Ninh), nhằm:

1. Đánh chiếm tuyến biên giới dọc bờ tây Vàm Cỏ, (trọng điểm là Bến Sỏi). Nếu thuận lợi sẽ phát triển và phối hợp với bộ binh đánh xuống Thiện Ngôn làm bàn đạp tiến chiếm thị xã Tây Ninh.

2. Thực hiện ba sạch: đốt sạch, phá sạch và giết sạch.

3. Phá hoại kinh tế, cướp lương thực, trâu bò và tài sản của nhân dân.

Trên tất cả các hướng tiến công, Khơme đỏ đều tập trung lực lượng đánh vào dân, chỉ dùng một bộ phận đánh với chủ lực, bộ đội địa phương, cốt để giữ chân, kiềm sức. Do đó, hậu quả địch gây ra rất nặng nề: dân chết, bị thương, mất tích cả trên ngàn người, gần 500 ngôi nhà bị thiêu hủy, 300 trâu bò bị cướp

đi... Lực lượng tại chỗ của ta đã tích cực đánh địch để bảo vệ dân, nhưng do ta thiếu cảnh giác, thiếu sẵn sàng chiến đấu nên bị thiệt hại khá nặng. Trong tình thế căng thẳng đó, Trung đoàn công binh 25 đã hết sức cố gắng, khắc phục khó khăn, mặc dù điều kiện thời gian rất gấp vẫn giữ vững, thông suốt cầu phà, đường sá lưu thông cho cơ giới, pháo binh cơ động, đáp ứng yêu cầu vận chuyển bộ đội, vũ khí, thuốc men, lương thực, thực phẩm, quân nhu... Nhờ đó, hầu hết các đơn vị khi được lệnh điều động đi chiến đấu ở biên giới đã nhanh chóng sắp xếp đội hình, tổ chức hành quân đến vị trí quy định đúng thời gian với đầy đủ quân số.

Bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc, Trung đoàn công binh 25 được giao phó nhiệm vụ hết sức nặng nề, khó khăn và luôn đi trước một bước để bảo đảm cho các lực lượng vũ trang Quân khu chiến đấu bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Nhận thức rõ chức năng, nhiệm vụ của mình trong tình hình mới, Trung đoàn 25 xác định đưa công tác huấn luyện, xây dựng đơn vị toàn diện lên hàng đầu và tham gia chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Với truyền thống *“Mở đường thắng lợi”*, *“Công binh đi trước về sau”* của binh chủng và công binh miền Đông Nam Bộ, trung đoàn bước vào cuộc chiến đấu với các nhiệm vụ cơ bản là *xây dựng các công trình sở chỉ huy cho Quân khu, bảo*

dảm cơ động; bố trí phá gỡ vật cản, tham gia chốt chặn đánh địch thay thế một số đơn vị bộ binh. Đây là thời điểm trung đoàn vừa làm nhiệm vụ bảo đảm chiến đấu, vừa trực tiếp chiến đấu.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Trung đoàn sử dụng Tiểu đoàn 739 và Tiểu đoàn 278, bố trí dò mìn mở đường và làm nhiệm vụ chốt chặn, vừa xây dựng công sự trận địa chiến đấu trên biên giới.

Tiểu đoàn 741 và Tiểu đoàn 98 làm nhiệm vụ bảo đảm cơ động.

Ngay từ ngày thành lập, Trung đoàn 25 đã phải làm quen với hoàn cảnh đóng quân phân tán không ổn định hậu cứ, vừa phải củng cố, ổn định tổ chức huấn luyện, vừa thực hiện chức năng của một đơn vị binh chủng làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu thông qua những nhiệm vụ chủ chốt của Quân khu giao:

- Bảo đảm cơ động sớm nhất cho cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới của các lực lượng vũ trang Quân khu như bảo đảm công sự, trận địa, vừa bố trí khắc phục vật cản cho bộ binh chiến đấu.

- Khắc phục, giải tỏa nhanh chóng các tuyến đường xung yếu trên biên giới (thuộc địa bàn Quân khu) như tuyến Cần Đăng - Xa Mát - Cà Tum - Cần Lê; Cà Tum - Mi Mốt và Lộc Ninh - Snuol. Chỉ huy trình sát bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu vượt sông

an toàn cũng như chuẩn bị các bến vượt cho mọi tình huống của các trận đánh trong chiến dịch.

Để hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, Trung đoàn công binh 25 buộc phải phân tán đội hình: Tiểu đoàn 739 làm nhiệm vụ bảo đảm ở hướng đường 13B, Tiểu đoàn 278 phải đảm nhiệm chốt chặn thay cho hai tiểu đoàn của Sư đoàn bộ binh 5 rút ra củng cố huấn luyện. Đây là lần đầu tiên Trung đoàn công binh 25 làm nhiệm vụ chốt chặn thay cho bộ binh. Cùng thời điểm đó tiểu đoàn phải thay thế đơn vị bạn đảm nhiệm chốt chặn trên hướng nam Snoul. Tiểu đoàn vượt sông 741 làm nhiệm vụ bảo đảm; Tiểu đoàn xe máy 98 có đội ngũ cán bộ, kỹ thuật viên khá, luôn bảo đảm hệ số an toàn máy móc cao, được giao nhiệm vụ đảm bảo giao thông cho các trận đánh bảo vệ biên giới ở hướng Sông Bé của các lực lượng vũ trang Quân khu 7 do Bộ Tư lệnh Quân khu tách làm hai bộ phận: Tiền phương 1 ở Tây Ninh, Tiền phương ở Sông Bé, nên Trung đoàn 25 cùng lúc phải đảm đương xây dựng 2 sở chỉ huy để chỉ huy các lực lượng phía trước, cùng các công trình quân sự, hình thành thế trận phòng thủ biên giới thuộc địa bàn Quân khu và hệ thống kho tàng bảo đảm hậu cần, hậu cần kỹ thuật cho các lực lượng vũ trang Quân khu chiến đấu.

Từ cuối tháng 12-1977, bằng những đợt tiến công liên tiếp, các lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã phá tan âm mưu đánh chiếm thị xã Tây Ninh của Khơme đỏ, đẩy lùi địch trên toàn tuyến biên giới. Tuy nhiên,

sau khi ta chủ động thu quân về vì thiện chí hòa bình, thì ngày 6 tháng giêng năm 1978, quân địch thừa cơ tăng quân, đưa lực lượng đeo bám, áp sát sau lưng ta, lấp lại những vùng đã chiếm được, thực hành xâm nhập, lấn chiếm và bám giữ dài ngày một số vùng biên giới của Quân khu, tạo thế giằng co giữa ta và địch trên toàn tuyến biên giới Sông Bé, Tây Ninh, Long An, kéo dài suốt 6 tháng đầu năm 1978, gây tình hình bất ổn, căng thẳng kéo dài trên biên giới, đẩy ta vào thế khó khăn.

Nhằm giúp bộ đội nhận thức rõ âm mưu của kẻ thù và nhiệm vụ chính trị mới, ngày 2 tháng 1 năm 1978, Bộ Tổng Tham mưu ra lệnh 04/ML, nêu rõ quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề biên giới Việt Nam - Campuchia. Nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang Quân khu 7 được cụ thể hóa bằng Nghị quyết 07/NQ-78 (ngày 23 tháng 2 năm 1978) phải: “Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang Quân khu, cùng với cấp ủy địa phương phát động tư tưởng quần chúng ra sức xây dựng chiến tranh nhân dân, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân ở miền biên giới hoàn chỉnh và vững chắc...!”.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Quyết định (số 1426/NQ-TW) kiện toàn Bộ Tư lệnh Quân khu 7 do Trung tướng Lê Đức Anh làm Tư lệnh kiêm Chính ủy. Tổ chức lực lượng trực thuộc Quân khu gồm ba sư

đoàn (5, 302, 303), cộng một trung đoàn bộ binh và bốn trung đoàn binh chủng cùng 2 tiểu đoàn và 2 đại đội bộ binh mới xây dựng.

Sau khi kiện toàn đơn vị, tổ chức lực lượng, ngày 6 tháng 4 năm 1978, các lực lượng vũ trang Quân khu phát triển tiến công, luân phiên tác chiến tiêu hao, tiêu diệt làm suy yếu sinh lực địch, củng cố địa bàn, mở rộng đánh chiếm địa hình có lợi, vừa tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm để huấn luyện tại chỗ, chuẩn bị cho hoạt động mùa khô 1978 - 1979. Trung đoàn công binh 25 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm của Quân khu giao.

Từ khi cuộc chiến thực sự nổ ra trên toàn tuyến biên giới thuộc địa bàn Quân khu 7 (ngày 25 tháng 9 năm 1977), cho đến khi ta tổ chức “be bờ”, chặn đứng bước chân xâm lấn của quân Pôn Pốt - Iêngxari ở bên kia biên giới (20 tháng 12 năm 1978), các lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã trải qua 15 tháng vừa chiến đấu và củng cố lực lượng, tổ chức đơn vị, lập nhiều thành tích xuất sắc. Là một trong những đơn vị binh chủng làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu, Trung đoàn công binh 25 với thực lực bốn tiểu đoàn (chưa đủ quân số, mới hình thành tổ chức đơn vị) đã trực tiếp tham gia chiến đấu, bảo đảm cơ động sớm nhất, tốt nhất (trong điều kiện cho phép) cho các lực lượng vũ trang Quân khu 7 chiến đấu bảo vệ biên giới.

Nhằm bảo đảm cho các đơn vị phía trước chiến đấu tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giữ vững địa bàn, giảm thiểu thương vong, lực lượng giữ chốt biên giới có điều kiện chiến đấu và phục hồi sức chiến đấu, đánh bại “*chiến thuật bu bám*” của Khơme đỏ tạo điều kiện cho lực lượng cơ động tiêu diệt gọn từng đơn vị địch; đồng thời, tạo điều kiện hỗ trợ cho lực lượng yêu nước của nhân dân Campuchia nổi dậy, thực hiện được chủ trương của Quân khu trong việc luân phiên, củng cố, huấn luyện đối với lực lượng cơ động chiến đấu. Trong vòng 5 tháng (từ tháng 4 đến tháng 9 năm 1978), với lực lượng công binh làm nòng cốt, Quân khu đã huy động được 116.211 lượt người (chiếm 5,6 phần trăm dân số) với 1.193.075 ngày công; đào đắp được 185 ki-lô-mét hào, lũy dọc theo biên giới thuộc địa bàn Quân khu, với khối lượng đào đắp đất đá lên tới 1.080.286 mét khối. Trong đó có 84 ki-lô-mét hào, lũy chạy dọc tuyến biên giới 2 tỉnh Tây Ninh, Long An. Riêng tỉnh Tây Ninh đã cơ bản hoàn thành xây dựng hào, lũy dài trên 60 ki-lô-mét, (đạt 96 phần trăm kế hoạch) có kết hợp cắm chông và gài mìn ở các xã và ấp chiến đấu cũng như tuyến biên giới dài 146 ki-lô-mét; vừa triển khai trồng 12 triệu gốc tre, xây dựng trên 200 ki-lô-mét rào kẽm gai, 2.000 công sự chiến đấu cá nhân, 421 lô cốt gỗ và đào 48 ki-lô-mét chiến hào, giao thông hào cùng hàng ngàn hầm tránh phi pháo...

Đằng sau những con số tướng như vô tri ấy là biết bao sự nỗ lực, bao mồ hôi, xương máu đổ ra; chỉ với một mục đích cao cả: Bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống hòa bình của cả dân tộc đã phải bền bỉ tranh đấu, phải hy sinh suốt mấy mươi năm mới giành lại được.

Vào thời điểm năm 1978, trong lúc ở hậu phương là cuộc sống thanh bình, thì các chiến sĩ công binh từ đô thị, vùng ven hành quân ngược lên biên giới, vừa phải đối mặt với kẻ thù mà ta chưa hiểu biết nhiều về chúng. Trong điều kiện chiến đấu và làm công tác bảo đảm, vừa xây dựng các công trình quốc phòng với muôn vàn khó khăn và thiếu thốn ở tuyến trước, sao tránh khỏi những phút chạnh lòng. Nhất là khi cái sống và cái chết chỉ cách nhau trong gang tấc. Nhưng với truyền thống "*Mở đường thắng lợi*" mà Chủ tịch Hồ Chí Minh khen tặng trong kháng chiến chống Pháp (1952) và danh hiệu "*Mở đường thống nhất*" trong kháng chiến chống Mỹ (1964), những phẩm chất tốt đẹp của bộ đội công binh miền Đông qua mỗi thử thách càng được trui rèn và biểu hiện sinh động. Đó chính là nhân tố hàng đầu, nguồn động lực quyết định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của một trung đoàn binh chủng cùng lúc thực hiện 2 chức năng: bảo đảm chiến đấu và trực tiếp chiến đấu.

Trong điều kiện lịch sử ấy, Tiểu đoàn 278 công trình được giao nhiệm vụ bố trí, tháo gỡ một số bãi

mìn và bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường ở hướng tấn công của Sư đoàn bộ binh 5. Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ khẩn trương thi công các công sự, trận địa, sở chỉ huy (cấp sư đoàn) ở Chà Rì. Sau đó Đại đội 8 của Tiểu đoàn 278 được giao nhiệm vụ tổ chức đánh địch, bằng cách chia nhỏ đơn vị, chốt chặn Chà Rì thay cho Trung đoàn 205 bộ binh rút về phía sau củng cố lực lượng để phản công địch.

Lần đầu tiên chiến sĩ Tiểu đoàn công trình 278 làm nhiệm vụ của một đơn vị bộ binh, thực hành tổ chức chiến đấu chốt chặn với quân số biên chế thiếu, vũ khí hạn chế cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là vũ khí hoả lực đánh bộ binh.

Cụm chốt Chà Rì là một vị trí rất quan trọng, nên địch tập trung lực lượng mạnh, bằng mọi thủ đoạn đánh chiếm lại nhằm khống chế lực lượng chủ lực bộ binh ta cơ động phát triển, địch giành giật rất quyết liệt với ta ở Chà Rì. Khói đạn và tiếng súng nổ không ngớt bao trùm đội hình Đại đội 8. Địch càng thương vong, càng cay cú và điên cuồng tập trung hoả lực mạnh, có pháo binh yểm trợ trút đạn vào cụm chốt Chà Rì. Đại đội 8 bị tổn thất nặng: 28 cán bộ, chiến sĩ đã anh dũng hy sinh. Trong số đó có Đại đội trưởng Đại đội 8 Phan Văn Thành. Nhưng với tinh thần quyết chiến, quyết thắng không lùi bước trước quân thù, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 8, Tiểu đoàn 278 vẫn đứng vững ở

vị trí chiến đấu của mình, tạo điều kiện cho Sư đoàn bộ binh 5 giữ vững trận địa phòng ngự.

Tiểu đoàn 739 ngoài nhiệm vụ bảo đảm hướng đường 13B còn được giao nhiệm vụ xây dựng các công trình, sở chỉ huy *bảo đảm, phục vụ cho cơ quan lãnh đạo của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia*. Giữa lúc đơn vị đang thực hiện nhiệm vụ trên, thì tiểu đoàn nhận lệnh tổ chức chốt chặn, đánh địch trên hướng Snuol, một hướng có vị trí cực kỳ quan trọng. Vì vậy, địch đánh giằng co với ta rất quyết liệt. Snuol nằm ở địa hình phức tạp, trên phạm vi rộng. Hơn nữa đây là lần đầu tiên tiểu đoàn làm nhiệm vụ của một đơn vị bộ binh trực tiếp chiến đấu trong điều kiện vũ khí hỏa lực ít, cơ số đạn hạn chế, tiểu đoàn phải tổ chức phân tán nhỏ lẻ tới cấp tiểu đội và tổ ba người để chốt chặn chiến đấu. Mặc dù lực lượng mỏng, trang bị hạn chế, phải cầm cự chiến đấu dài ngày, địch lại rất hiếu chiến, tập trung lực lượng có hỏa lực mạnh, với pháo bắn từ xa yểm trợ bộ binh địch tiếp cận gần để lấn chiếm. Có lúc địch với ta chỉ cách nhau vài chục thước. Chiến sự diễn ra ngày càng ác liệt, lực lượng của tiểu đoàn lúc này bị tổn thất nhiều: 14 cán bộ, chiến sĩ hy sinh, một số khác bị thương phải lui về tuyến sau.

Với truyền thống là một đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, cán bộ, chiến sĩ của Tiểu

đoàn 739 đều nhận thức sâu sắc nhiệm vụ của mình có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi chung của lực lượng vũ trang Quân khu tại Mặt trận Snoul, trong chiến dịch tiến công mở rộng địa bàn. Đó là nhiệm vụ làm chủ trận địa, đánh địch, giữ chốt. Trận tiêu biểu diễn ra vào lúc 10 giờ trưa ngày 25 tháng 11 năm 1978. Tiểu đoàn 739 phải căng lực lượng ra chiến đấu với một trung đoàn quân Pôn Pốt có pháo binh và xe tăng yểm trợ, đồng loạt tiến công vào đội hình tiểu đoàn trên cả ba hướng. Đặc biệt trên hướng chính diện của Đại đội 12 (do đồng chí Hoàng Văn Chế làm Đại đội trưởng), phải tổ chức đánh trả với một tiểu đoàn bộ binh địch, lực lượng của đại đội lúc này chỉ còn lại hai trung đội, trang bị vũ khí chủ yếu là tiểu liên AK với cơ số đạn hạn chế. Bộ đội ta bình tĩnh bắn tỉa chính xác, địch lại bị vướng mìn của ta bố trí bảo vệ chốt. Đặc biệt kỹ thuật sử dụng mìn ĐH10 của Tiểu đoàn 739 đã gây tổn thất nặng cho quân Pôn Pốt cả về người và phương tiện. Sau nhiều lần tiến công giành giật chốt Snoul không thành, quân Pôn Pốt đành cam chịu thất bại. Cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 739 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao, giữ vững trận địa phòng ngự Snoul, để các lực lượng vũ trang Quân khu bước vào chiến dịch tổng tiến công Xuân 1979, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền đất nước, vừa cứu giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi hiểm họa diệt chủng để hồi sinh đất nước.

*

Ra đời lúc giao thời chuyển trạng thái từ chiến tranh sang hòa bình rồi lại từ hòa bình sang chiến tranh, chiến sĩ Trung đoàn công binh 25 thực sự chưa được hưởng một ngày bình yên. Chiến tuyến của bộ đội công binh ngay ở phía sau và cả phía trước với chức năng là một đơn vị binh chủng bảo đảm chiến đấu cho lực lượng vũ trang Quân khu, vừa trực tiếp chiến đấu chống kẻ thù xâm phạm chủ quyền đất nước.

Tuy mới thành lập nhưng Trung đoàn được xây dựng trên cơ sở các đơn vị thiện chiến, có bề dày lịch sử xây dựng và chiến đấu với truyền thống vẻ vang của Công binh Quân Giải phóng miền Nam. Ngay sau ngày thành lập, trong điều kiện các tiểu đoàn trực thuộc vẫn đang đóng quân phân tán khắp địa bàn miền Đông Nam Bộ, Trung đoàn đã phải bắt tay ngay vào nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, vừa xây dựng, ổn định tổ chức, biên chế, vừa huấn luyện đơn vị, và triển khai kế hoạch tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm, tham gia cứu đói. Đồng thời, trung đoàn đã nhanh chóng tổ chức đơn vị để trực tiếp tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới thuộc địa bàn Quân khu 7. Vừa xây dựng, vừa chiến đấu - đó là trang tiếp theo đầy khí thế *“Mở đường thắng lợi”*. Phát huy truyền thống vẻ vang 5 lần là đơn vị *“Thành đồng quyết thắng”* của Tiểu đoàn 739 anh

hùng, của công binh miền Đông Nam Bộ, Trung đoàn công binh 25 luôn vượt lên mọi khó khăn, thiếu thốn, hy sinh để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, xây dựng trung đoàn ngày càng lớn mạnh, chuẩn bị bước vào thời kỳ phát triển mới, trong đội hình các lực lượng vũ trang Quân khu vững bước trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế giúp nhân dân Campuchia.

Chương hai

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUỐC TẾ TẠI CAMPUCHIA (1979 - 1989)

I. THAM GIA CUỘC TIẾN CÔNG GIÚP NHÂN DÂN CAMPUCHIA NỔI DẬY LẬT ĐỔ CHẾ ĐỘ DIỆT CHỦNG, BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG LẠI ĐẤT NƯỚC VÀ TIẾP TỤC CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG

Cùng với sự ra đời của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia (2-12-1978), chiến thắng lớn của ta trong cuộc phản công toàn tuyến biên giới Tây Nam vào những ngày cuối năm 1978 đã mở ra một cục diện mới cả về quân sự, chính trị. Thời cơ, khả năng, đồng thời là yêu cầu khách quan về nhiệm vụ dân tộc kết hợp nhiệm vụ quốc tế trong thời điểm này là đáp lời kêu gọi tha thiết của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, cùng lực lượng vũ trang của Mặt trận thực hiện cuộc tiến công toàn diện, giải phóng Phnôm Pênh, đánh đổ chế độ diệt chủng, vừa

cứu nhân dân bạn vừa loại trừ họa xâm lược ở biên giới Tây Nam Tổ quốc. Cùng với lực lượng bạn, một bộ phận quan trọng Quân đội nhân dân Việt Nam trong đó có lực lượng vũ trang Quân khu 7 được huy động vào trận quyết chiến chiến lược này.

Với phương châm *“Kết hợp ngọn cờ cách mạng Campuchia”* thực hiện *“Bất ngờ, thần tốc, mãnh liệt”*, để phục vụ nhiệm vụ trung tâm là thần tốc giải phóng Phnôm Pênh, đồng thời bao vây rộng không để đầu não địch đào thoát, nhiệm vụ cụ thể của lực lượng vũ trang Quân khu 7 - trong đó có Trung đoàn công binh 25, là thần tốc vu hồi giải phóng vùng trọng điểm phía đông bắc, đồng thời góp sức ngăn chặn, tiêu diệt địch rút chạy trên hướng tây bắc. Các đơn vị chủ yếu của Quân khu 7 tiến theo trục lộ 13, giải phóng thị xã Krachéh (30-12-1978). Kế hoạch tiếp sau là vượt sông Mê Công để theo đường tắt qua phía Kôngpôngthom, chặn diệt địch rút lui theo đường 6. Để thực hiện phương án đó, Trung đoàn công binh 25 được giao nhiệm vụ bảo đảm cho các đơn vị vượt sông với bến do cấp trên trên tọa độ bản đồ là bến Xom Bô, phía bắc thị xã Krachéh 13 ki-lô-mét. Do yêu cầu khẩn trương, với ca nô và thuyền cao su, Trung đoàn không có điều kiện trình sát, khảo sát kỹ. Trên thực tế đoạn sông này nước lên xuống. Khi nước lên lòng sông mở rộng đến 2.600 mét phủ lấp dẫy đá ngầm nhấp nhô, vì vậy không thể tổ chức được bến phà cho cơ giới vượt sông. Tuy nhiên với yêu cầu khẩn trương,

lại khảo sát lúc nước lớn, trinh sát không phát hiện được dây đá ngầm nói trên.

Với tinh thần nghiêm túc chấp hành mệnh lệnh, Trung đoàn công binh 25 huy động toàn bộ khí tài đơn vị hiện có, tập trung chỉ đạo, chỉ huy tổ chức, đảm bảo vượt sông. Ban chỉ huy Trung đoàn lúc này gồm có: Nguyễn Thanh Tùng - Trung đoàn trưởng, Đàm Huy Khúc - Chính ủy, Lê Chí Thân - Trung đoàn phó. Trung đoàn trưởng Nguyễn Thanh Tùng trực tiếp chỉ đạo tổ chức bến vượt Xom Bô với lực lượng chủ công là Tiểu đoàn 741 vượt sông do Nguyễn Quang Quý làm Tiểu đoàn trưởng. Bến vượt được tổ chức trên thác nước 50 mét. Bắt đầu từ đêm 5 tháng 1 năm 1979, 60 chiến sĩ được giao nhiệm vụ cầm đèn ống bơ đứng trên các mỏm đá làm tiêu để đơn vị tổ chức vượt sông. Với khí tài hiện có, Tiểu đoàn 741 thực hiện ghép hai phà TPP-50 tấn và sử dụng một trung đội dùng thuyền DL10 chở bộ đội qua sông lúc nước đang xuống, thuyền bị thác đẩy va đá ngầm, vỡ đáy. Trong lúc đó, Lữ đoàn công binh 249 do Bộ Tư lệnh Công binh tăng cường ghép hai phà 35 tấn. Nhưng đến 12 giờ 30 phút, khi bộ đội Việt Nam và lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia đã làm chủ thủ đô Phnôm Pênh thì ở bến Xom Bô ta mới vận chuyển được 7 xe (trong đó có 6 xe M113) trong tổng số 1.200 xe và 2 trung đoàn bộ binh có yêu cầu vượt sông. Lợi dụng địa hình phức tạp, địch phản kích quyết liệt, gây cho ta tổn thất lớn cả người và phương

tiện. Có 5 canô, 5 máy đẩy và 5 khoang thuyền bị hỏng. Trung đoàn trưởng Nguyễn Thanh Tùng đang ốm vẫn không rời nhiệm vụ. Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Quang Quý trực tiếp chỉ huy nỗ lực vượt bậc, không quản ngại khó khăn, nguy hiểm, nhưng bộ phận đã vượt sông phát hiện là không thể theo đường tắt để hành tiến có cơ giới được. Đến 18 giờ ngày 7 tháng 1 năm 1979, Quân khu được lệnh của Bộ, chuyển lực lượng định vượt bến Xom Bô quay lại theo đường 13 xuống Snoul, theo đường 7 qua ngã ba Krết, theo lộ 22 lên Kôngpôngchăm sau đội hình Quân đoàn 3 dẫn đầu một đội hình hành tiến dài hàng chục cây số khẩn trương bù lại thời gian đã mất, Quân khu ra mệnh lệnh công binh lên trước mở đường. Trung đoàn công binh 25 phải dùng cơ giới vượt lên.

Cuộc vượt sông không thành là bài học kinh nghiệm sâu sắc về mặt chỉ huy binh chủng hợp thành và chỉ huy công binh nói riêng trong việc chọn bến, tổ chức trinh sát, hiệp đồng và nắm khả năng bảo đảm của trang bị khí tài để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Phần cấp trên, có chủ quan khi chọn bến Xom Bô, đã không tính đến điều kiện tự nhiên để đảm bảo vượt sông với kỹ thuật hiện có. Phần cấp dưới, khi nhận lệnh, tổ chức trinh sát đã thấy khó khăn nhưng không mạnh dạn đề đạt để thay đổi phương án.

Với việc giải phóng Phnôm Pênh, lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân Campuchia với sự hỗ trợ của Việt Nam đã giành được thắng lợi quyết định,

chính quyền phản động Pôn Pốt - lêngxari đã sụp đổ. Tuy nhiên, bọn đầu sỏ cùng một phần lớn lực lượng vũ trang của chúng chưa bị tiêu diệt, đã và đang đào thoát về phía Thái Lan, để tập hợp, tổ chức lại và phản kích. Nhiệm vụ tiếp theo hết sức cấp bách và nặng nề của các lực lượng giải phóng Campuchia là truy kích chúng, hạn chế những khó khăn về sau.

Việc đổi hướng từ bến vượt Xom Bô, đặt ra một tình huống bất ngờ có ảnh hưởng tiêu cực đến quyết tâm, chiến đấu của các đơn vị Quân khu 7. Công tác tư tưởng đang đặt ra giữa chiến dịch là vì thắng lợi chung, kiên quyết khắc phục khó khăn, nâng cao tốc độ hành quân để bù đắp hai ngày đã mất.

Với phương án chuyển hướng trên, trước mắt Trung đoàn công binh 25 được giao những nhiệm vụ chủ yếu:

- Bảo đảm chiến đấu: sửa chữa cầu đường trên các trục lộ 7 (dài 30 ki-lô-mét), 22; làm tuyến đường mới 68 phục vụ chiến dịch: các đường bảo đảm cơ động vượt sông và sẵn sàng thay thế đơn vị bạn bảo đảm bến vượt Kôngpôngchàm:

- Chiến đấu, dò gỡ mìn, mở thông các trục hành tiến: bảo đảm an toàn cầu đường; chốt giữ địa bàn thị xã Kôngpôngchàm, bảo vệ sở chỉ huy Quân khu, tham gia chiến đấu; trong hành tiến làm và sửa chữa cầu đường, chống lầy, làm chỉ huy sở.

- Hành tiến đến đâu phát động quần chúng diệt ác ôn, ổn định tình hình ở đó.

Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Tiền phương chỉ đạo các đơn vị phát huy triệt để mọi sáng kiến, bổ sung kế hoạch vượt khó khăn, nâng cao tốc độ. Nhiều đơn vị đề ra khẩu hiệu “tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh như trong chiến dịch Mậu Thân 1968”, tận dụng mọi phương tiện sẵn có và huy động tại chỗ để phục vụ hành quân. Bộ phận đi trước dò gỡ mìn để bộ phận gọn nhẹ hành tiến kịp thời; bộ phận nặng chịu trách nhiệm vận chuyển, thu dụng và hành quân sau; tổ chức các bộ phận truy quét địch, các bộ phận tiếp quản các khu vực do trên quy định, tổ chức lại cách ăn, nghỉ khoa học, ít tốn thời gian. Có mũi vừa hành tiến vừa đánh địch mấy ngày đêm không nghỉ. Trong điều kiện vừa hành tiến vừa đánh địch, phương tiện thiếu thốn, đường sá rất xấu, phải vượt sông lớn và nhiều cầu hư hỏng, Trung đoàn công binh 25 phát huy mạnh mẽ vai trò mở đường và bảo vệ Sở chỉ huy Tiền phương Quân khu đóng tại thị xã, ổn định khu vực, Trung đoàn bộ và các Tiểu đoàn 741, 98 bố trí lực lượng ở thị xã Kôngpôngchàm, được bạn tăng cường lực lượng nữ làm phiên dịch để vừa chiến đấu vừa công tác. Tham mưu trưởng Cao Ngọc Huê trực tiếp chỉ đạo truy quét địch xung quanh thị xã, bắt được nhiều tên có nợ máu. Trong khi làm nhiệm vụ chiến đấu, Trung đoàn triển khai công tác dân vận, huấn luyện tân binh bạn. Các Tiểu đoàn 278, 739 bảo đảm

cơ động cho các Sư đoàn 5, 303 truy kích địch, đến cuối năm 1979 đi trở lại khu vực Kôngpôngchàm.

Với tinh thần “thần tốc” để bù lại thời gian buộc phải chuyển hướng, trong vòng chưa đầy 5 ngày (7 - 11-1-1979) sau khi giải phóng Phnôm Pênh, các đơn vị Quân khu 7 đã tiến hơn 700 ki-lô-mét (trung bình mỗi ngày 140 ki-lô-mét), góp phần cùng lực lượng cách mạng Campuchia và bộ đội Việt Nam giải phóng toàn bộ đất nước Campuchia (đánh dấu bằng trận giải phóng thị xã Kô Kông - ngày 17-1-1979).

Trong khi tiến công tiêu diệt địch, bộ đội tình nguyện Việt Nam tận tình giúp đỡ nhân dân Campuchia thoát khỏi sự kềm chế của chúng. Khi ta đánh lên Poi Pét, Đăng Cum,... họ từ trong rừng ra lộ 6, chạy về phía đội hình của ta và bạn. Nhiều người từ lâu thiếu đói, bệnh, da vàng, bụng to,... giờ đây được cứu thoát, ông bà già gặp bộ đội Việt Nam chấp tay “*o cun lưc thum*”,... ánh mắt hiện rõ niềm vui được giải phóng.

Tiếp tục nhiệm vụ sau giải phóng, ngày 22 tháng 2 năm 1979, Tiểu đoàn 741 cử 1 đại đội làm nhiệm vụ bảo đảm cầu nối cho binh khí kỹ thuật của các Sư đoàn 3, 5, hoàn thành đúng thời gian quy định, phục vụ liên tục (từ 13-2 đến 8-3-1979) cho 1.201 xe vượt sông an toàn. Toàn trung đoàn đã đảm bảo an toàn các mục tiêu được giao, có kế hoạch phòng thủ chặt chẽ, ngăn chặn và phá tan những ý định tập kích lớn

nhỏ của địch từ trong ra, từ ngoài vào, được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì về thành tích phục vụ chiến dịch giải phóng Campuchia.

Với chiến thắng đầu xuân 1979, các lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên biên giới Tây Nam trong đó có Trung đoàn công binh 25 đã làm nên hai chiến công lịch sử: một là bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; hai là góp sức cùng nhân dân Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt, làm lại cuộc cách mạng, khôi phục quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước, tạo cơ sở để xây dựng biên giới hữu nghị, ổn định, bền vững lâu dài.

Tuy nhiên, chế độ diệt chủng đã bị đánh đổ, nhưng tàn quân của chúng cùng bọn đầu sỏ Pôn Pốt vẫn còn, lại có sự dung dưỡng, hỗ trợ của thế lực phản động bên ngoài, thực lực cách mạng Campuchia còn non yếu, Hội đồng nhân dân cách mạng Campuchia vừa được thành lập đã phải tiến hành cuộc đấu tranh toàn diện về chính trị, quân sự, kinh tế ngoại giao, nhiệm vụ cách mạng còn rất nặng nề. Trước tình hình trên, theo yêu cầu của bạn, ngày 18-2-1979, tại Phnôm Pênh, đại diện lãnh đạo cao cấp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đại diện Hội đồng nhân dân Cách mạng Campuchia ký hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác lâu dài (25 năm) giữa hai nước, theo đó bộ đội tình nguyện Việt Nam ở lại giúp Campuchia bảo vệ, củng cố thành quả cách mạng, xây dựng lại đất nước.

Lực lượng vũ trang tình nguyện của Quân khu 7 cũng như các đơn vị khác của Quân tình nguyện trên chiến trường Campuchia đã chuyển đội hình từ tiến công sang triển khai đứng chân trên từng khu vực, tiếp tục truy quét địch và giúp bạn toàn diện để bảo vệ, củng cố thành quả cách mạng, xây dựng thực lực chính trị, quân sự.

Địa bàn đứng chân của Quân tình nguyện Quân khu 7 gồm khu vực Phnôm Pênh (riêng Trung đoàn công binh không làm nhiệm vụ ở khu vực này) và 7 tỉnh: Svayriêng, Prayveng, Kôngpôngchàm, Kôngpôngthom, Krachéh (có thời gian giao cho Quân khu 5), Xiêm Riệp và Bắttambang (năm 1984 bạn thành lập thêm tỉnh Bântiamiênchay gồm một số huyện của hai tỉnh Xiêm Riệp và Bắttambang tách ra). Diện tích chung 782,43 ki-lô-mét vuông, dân số khoảng 4,6 triệu, bao gồm phần lớn vùng dân cư thuộc lưu vực sông Mê Công, Tông Lê Sáp (Biển Hồ), ngoài thủ đô Phnôm Pênh còn một số thành phố lớn nhất nước như Bắttambang, Kôngpôngchàm, có khu di tích lịch sử văn hóa thế giới đền Ăngko, là khu vực xung yếu nhất của Campuchia, còn có ý nghĩa chiến lược chung của miền Nam Đông Dương; có 5 quốc lộ nối liền từ biên giới Việt Nam đến biên giới Thái Lan và Lào: các quốc lộ 1, 5, 6, 7, 13 và nhiều đường liên tỉnh khác. Biên giới giáp Thái Lan dài 490 ki-lô-mét thuộc 2 tỉnh Xiêm Riệp, Bắttambang; phần lớn là vùng rừng núi hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt.

Với vị trí đặc biệt như vậy, địa bàn hoạt động của Quân tình nguyện Quân khu 7 trở thành khu vực trọng điểm mà địch tập trung hết nội khả năng để thâm nhập đánh phá, giành quyền làm chủ, lực lượng Quân tình nguyện cùng với lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia sát cánh nhau trong một cuộc đấu tranh gian khổ, quyết liệt phức tạp, toàn diện, nhằm bảo vệ, củng cố thành quả cách mạng, trong đó mục tiêu cuối cùng là bạn phải mạnh lên, vững vàng tự đảm nhiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Campuchia.

Trước mắt, năm 1979, Trung đoàn công binh 25 được bố trí ở khu vực Kôngpôngchàm với những nhiệm vụ sau đây:

- Đảm bảo cơ động cho các đơn vị Quân khu 7 truy quét địch.

- Xây dựng chính quyền địa phương, tham gia truy quét tàn quân.

- Bảo vệ Sở chỉ huy Quân khu tại thị xã Kôngpôngchàm.

- Tổ chức huấn luyện khóa đào tạo tiểu đội trưởng công binh.

Với lực lượng, cơ cấu trang bị tương đối đủ, Trung đoàn công binh 25 bước vào nhiệm vụ quốc tế với yêu cầu là đơn vị cơ động thực hiện chức năng binh chủng vừa là đội quân công tác. Trung đoàn triển khai nhiệm vụ chủ yếu trên địa bàn

Kôngpôngchàm trong khi một bộ phận đang phục vụ đảm bảo cầu đường cho các Sư đoàn 5, 3. Tại Kôngpôngchàm, bên cạnh nhiệm vụ theo chức năng, Trung đoàn được giao nhiệm vụ công tác giúp bạn ở huyện Compông Siêm. “Đại đội Compông Siêm” do Lư Xiêm làm Đại đội trưởng, Phó Chủ nhiệm Chính trị Nguyễn Văn Hoạt làm cố vấn Chính trị viên huyện đội, trực tiếp phụ trách nhiệm vụ xây dựng huyện đội Compông Siêm và công tác vận động quần chúng. Trên một mảnh đất vừa thoát nạn diệt chủng, tàn quân Pôn Pốt vẫn tồn tại và khống chế dân ở nhiều khu vực, đây là nhiệm vụ rất nặng nề, phức tạp, toàn diện, mục tiêu hàng đầu là phát động quần chúng, xây dựng chính quyền, xây dựng lực lượng vũ trang bạn. Tình hình cụ thể lúc bấy giờ: huyện Compông Siêm thuộc tỉnh Kôngpôngchàm, địa bàn gồm thị xã và khu vực xung quanh trên dưới 25 ki-lô-mét (thị trấn cách thị xã trên 10 ki-lô-mét về phía tây bắc), án ngữ đầu mối giao thông thủy bộ quan trọng, có bến phà, địa hình phức tạp, có 4 xã ở cồn trên sông, 5 xã phía bắc giáp rừng núi. Địch đã hình thành chính quyền hai mặt từ phum đến huyện để ngấm ngầm chống phá do Trung Hiên cầm đầu. Khi ta triển khai lực lượng thì chúng kéo ra rừng toàn bộ gần 400 tên, đêm đêm về chống phá, khống chế quần chúng, tuyên truyền xuyên tạc kích động hằn thù dân tộc, dựng ngọn cờ Xihanúc,... Nhân dân trong huyện nói chung sợ địch, phần lớn chưa hiểu Việt Nam.

Đã qua thời gian sống dưới chế độ Pôn Pốt bị đàn áp khốc liệt, xã hội bị xáo trộn, bị ly tán cho nên giải phóng rồi người dân vẫn nghi kỵ lẫn nhau, đặc biệt ở những nơi còn bị địch khống chế, ám ảnh rất nặng nề về chế độ Pôn Pốt sẽ trở lại... Vì vậy có nơi lúc đầu dân không dám tiếp xúc với bộ đội Việt Nam, không có người dám nhận làm cán bộ hay du kích. Tỉnh Kôngpôngchàm đã có ban cán sự khá đông nhưng hầu hết là tay chân của địch cài vào. Lực lượng chuyên gia giúp bạn chưa hoạt động được. Trong lúc đó, hồng cứu vãn tình thế gần như bị “mất trắng” mũi xung kích làm cho Việt Nam suy yếu, thế lực bành trướng bá quyền lại xua quân, thực hiện cuộc xâm lược toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta. Quân và dân ta lần nữa đứng trước thử thách lớn, và điều đó lại khơi thêm chí căm thù, củng cố quyết tâm của cán bộ, chiến sĩ Việt Nam đang làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia.

Cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn công binh 25 đã được giáo dục quán triệt 3 nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trên Mặt trận Tây Nam, thông suốt, nhất trí, tin tưởng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về vấn đề Campuchia, xác định rõ quyết tâm, trách nhiệm.

Đảng ủy, thủ trưởng Trung đoàn quán triệt chỉ thị của Bộ Tư lệnh Tiền phương tổ chức công tác chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ về nhiệm vụ đơn vị ở Compông Siêm, đặc biệt là nhiệm vụ phát động quần chúng xây dựng chính quyền giúp bạn,

nhận thức rõ mối quan hệ giữa phát động quần chúng xây dựng chính quyền và truy quét địch với xây dựng tình đoàn kết hữu nghị lâu dài giữa ba dân tộc Đông Dương, thương yêu nhân dân bạn như nhân dân mình, trên cơ sở đó phát huy tính chủ động, sáng tạo trong vận dụng đường lối quốc tế của Đảng. Trung đoàn được sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Bộ Tư lệnh Tiền phương, được tỉnh Tây Ninh cử 4 đội công tác đến phối hợp hoạt động, được bạn giúp đỡ về phiên dịch,...

Với bước chuẩn bị chu đáo, lãnh đạo, chỉ huy Trung đoàn triển khai tổ chức thực hiện với bước khởi đầu là phát động quần chúng, trước hết làm cho dân nhận thức rõ bạn thù, thoát khỏi sự khống chế của địch để vùng lên làm chủ, tham gia xây dựng chính quyền; có kế hoạch từng đợt, theo dõi, chỉ đạo hàng ngày. Chấp hành đúng các nguyên tắc, thủ tục công tác như thâm nhập, điều tra, nghiên cứu, nắm địch, đặc biệt là nắm chắc chính quyền hai mặt, tổ chức rút kinh nghiệm từng việc, từng bước, hướng dẫn chặt chẽ, uốn nắn tỉ mỉ, cụ thể... Tổ chức đột phá để rút kinh nghiệm cho các đội công tác. Bài học quan trọng nổi lên là ngay từ đầu không được dựa vào những phần tử hai mặt. Vận dụng đường lối quốc tế của Đảng, tuyệt đối tôn trọng bạn đồng thời kiên quyết tiêu diệt địch, cụ thể như kiên quyết giải tán chính quyền hai mặt, loại trừ các phần tử lợi dụng chính quyền cách mạng để chống phá trên cơ sở có bàn bạc,